

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *14210* /UBND-KT

Khánh Hòa, ngày *12* tháng *12* năm 2024

V/v tiếp thu, giải trình các Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh liên quan đến nội dung đầu tư công

- Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ các Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh: Báo cáo số 301/BC-BKTNS ngày 11/12/2024 thẩm tra dự thảo nghị quyết về việc gia hạn thời gian bố trí vốn các dự án theo quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công; Báo cáo số 303/BC-BKTNS ngày 11/12/2024 thẩm tra dự thảo nghị quyết cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (lần 1); Báo cáo số 304/BC-BKTNS ngày 11/12/2024 thẩm tra về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025; Báo cáo số 305/BC-BKTNS ngày 11/12/2024 thẩm tra về kế hoạch đầu tư công năm 2025; Báo cáo số 306/BC-BKTNS ngày 11/12/2024 thẩm tra về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2024;

Trên cơ sở báo cáo, tham mưu của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 5713/SKHĐT-TH ngày 11/12/2024, UBND tỉnh tiếp thu và giải trình các nội dung như sau:

1. Về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2024

a) Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy tỷ lệ giải ngân 11 tháng năm 2024 còn thấp làm ảnh hưởng đến việc hoàn thành kế hoạch đầu tư công; một số chương trình, dự án chậm tiến độ ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh. Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh có những giải pháp quyết liệt, chỉ đạo các chủ đầu tư, các địa phương và đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công năm 2024 đạt kế hoạch.

UBND tỉnh xin tiếp thu và giải trình như sau:

Trọng năm 2024, UBND tỉnh đã tăng cường tổ chức các cuộc họp nghe các chủ đầu tư báo cáo tình hình và tiến độ giải ngân các dự án để kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các chủ đầu tư, đôn đốc giải ngân vốn đầu tư công năm 2024, nhất là đối với công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, UBND tỉnh đã tổ chức họp và ban hành nhiều văn bản đôn đốc, chỉ đạo đẩy nhanh thực hiện. Gần đây nhất, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Công điện số 04/CD-CTUBND ngày 19/11/2024 về việc quyết liệt triển khai công tác giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2024, chỉ đạo các chủ đầu tư, các địa phương và đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công năm 2024 đạt kế hoạch.



b) Về nguyên nhân vướng mắc trong công tác bồi thường giải tỏa và thủ tục đầu tư dự án, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh xác định giải pháp khắc phục đối với từng dự án, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan.

UBND tỉnh xin tiếp thu và giải trình như sau:

Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng chậm là nguyên nhân chính dẫn đến tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công năm 2024 đến nay còn thấp. Hiện nay công tác xác định giá đất cụ thể tính bồi thường, hỗ trợ tái định cư ở cấp huyện triển khai chậm, trong đó có một phần nguyên nhân là do phải triển khai thực hiện theo Luật Đất đai 2024, ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành trên địa bàn tỉnh, dẫn đến chậm trễ trong phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và ban hành Quyết định thu hồi đất, tổ chức chi trả bồi thường để nhận bàn giao mặt bằng thi công dự án, làm ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân của dự án.

Tại Công điện số 04/CĐ-CTUBND ngày 19/11/2024, Chủ tịch UBND tỉnh đã đề nghị các đồng chí Bí thư các huyện, thị xã, thành phố quan tâm, chỉ đạo hệ thống chính trị các cấp ở địa phương hỗ trợ, tạo điều kiện, kịp thời xử lý, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức triển khai các công việc liên quan công tác giải ngân vốn đầu tư công ở địa phương, nhất là về công tác đền bù, giải phóng mặt bằng. Các chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh nếu cơ quan, đơn vị, địa phương mình không hoàn thành công tác giải ngân kế hoạch năm 2024; kiên quyết xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân thiếu ý thức, thiếu trách nhiệm trong công việc, làm ảnh hưởng đến tiến độ, cũng như không hoàn thành công tác giải ngân vốn đầu tư công.

c) Về tình hình thực hiện các dự án đầu tư công trọng điểm: Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương đẩy nhanh tiến độ triển khai các thủ tục trình phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các dự án đầu tư công trọng điểm, đẩy nhanh tiến độ thực hiện đối với các dự án đang triển khai thi công.

Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương đẩy nhanh tiến độ triển khai các thủ tục trình phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các dự án đầu tư công trọng điểm, đẩy nhanh tiến độ thực hiện đối với các dự án đang triển khai thi công.

2. Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025

a) Rà soát danh mục dự án, chỉ bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn đối với các dự án đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công.

Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã rà soát, chỉ bổ sung các dự án đủ điều kiện vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công.

b) Theo Tờ trình của UBND tỉnh, nguồn dự phòng trung hạn giai đoạn 2021-2025 chưa phân bổ dự kiến là 7.225,206 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn ngân

sách tỉnh là 6.985,206 tỷ đồng, chủ yếu là nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2023-2025 được dự kiến tại Nghị quyết số 24/NQHĐND ngày 28/3/2024 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh có những giải pháp bảo đảm nguồn thu này để bố trí cho các dự án thuộc danh mục dự án đầu tư công trọng điểm và các dự án cấp thiết khác nhằm phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa.

Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan tiếp tục tham mưu UBND tỉnh đẩy mạnh thực hiện nguồn thu sử dụng đất để bảo đảm nguồn bố trí cho các dự án thuộc danh mục dự án đầu tư công trọng điểm và các dự án cấp thiết khác nhằm phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa. Trong năm 2025, sau khi xác định cụ thể nguồn tăng thu sử dụng đất được dùng để bố trí cho nhiệm vụ chi đầu tư phát triển, UBND tỉnh sẽ báo cáo HĐND tỉnh về việc điều chỉnh nguồn chưa phân bổ này cho phù hợp thực tế phát sinh.

3. Về kế hoạch đầu tư công năm 2025

a) Rà soát danh mục dự án, chỉ bố trí vốn kế hoạch đầu tư công năm 2025 đối với các dự án đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 52 và Điều 53 Luật Đầu tư công.

Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã rà soát, chỉ bố trí vốn kế hoạch đầu tư công năm 2025 đối với các dự án đủ điều kiện theo quy định tại Điều 52 và Điều 53 Luật Đầu tư công. Đối với các dự án còn lại¹, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn hoàn thiện thủ tục phê duyệt dự án đầu tư để đủ điều kiện trình HĐND tỉnh giao kế hoạch vốn năm 2025 tại các kỳ họp HĐND tỉnh trong năm 2025 theo quy định.

Đồng thời qua rà soát, UBND tỉnh báo cáo bổ sung cho HĐND tỉnh về việc giao vốn năm 2025 cho dự án Sửa chữa hệ thống phòng cháy và chữa cháy trụ sở làm việc Thanh tra tỉnh trên cơ sở nội dung đề xuất của Thanh tra tỉnh tại văn bản số 1520/TTT-VP ngày 03/12/2024. Dự án này thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và đã hoàn thành thủ tục đầu tư, đủ điều kiện bố trí vốn theo quy định tại Điều 52 và Điều 53 Luật Đầu tư công.

¹ (1) Dự án thành phần 2: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua thành phố Nha Trang phục vụ dự án Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh; (2) Dự án thành phần 3: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua huyện Diên Khánh phục vụ dự án Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh; (3) Dự án thành phần 1: Dự án xây dựng Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2); (4) Dự án thành phần 2: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua huyện Vạn Ninh phục vụ Dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2); (5) Dự án thành phần 3: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua thị xã Ninh Hòa phục vụ Dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2); (6) Dự án thành phần 3: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua địa bàn thị xã Ninh Hòa phục vụ dự án Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa; (7) Dự án Nâng cấp mở rộng đường Quốc lộ 26B, tỉnh Khánh Hòa; (8) Dự án Di dời và tái định cư khu vực phía đông đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Vạn Giã; (9) Dự án Khu tái định cư Vạn Thắng - Giai đoạn 1; (10) Dự án Chính trị hạ lưu sông Tắc (giai đoạn II).

b) Chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt các giải pháp được nêu tại Báo cáo, trong đó cần tập trung chỉ đạo, đôn đốc các chủ đầu tư, địa phương, đơn vị liên quan đẩy nhanh đẩy nhanh tiến độ thực hiện các thủ tục đầu tư, giải phóng mặt bằng, bảo đảm giải ngân đạt kế hoạch vốn được giao

Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt các giải pháp được nêu tại Tờ trình số 14076/TTr-UBND ngày 09/12/2024, trong đó cần tập trung chỉ đạo, đôn đốc các chủ đầu tư, địa phương, đơn vị liên quan đẩy nhanh đẩy nhanh tiến độ thực hiện các thủ tục đầu tư, giải phóng mặt bằng, bảo đảm giải ngân đạt kế hoạch vốn được giao.

4. Về việc cho ý kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (lần 1)

a) Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh trong quá trình xây dựng, hoàn thiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 ở các bước tiếp theo cần tiếp tục tổng kết, đánh giá một cách toàn diện kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025, trong đó nêu bật những kết quả đạt được; khó khăn, hạn chế; nguyên nhân và những giải pháp khắc phục để tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, trong quá trình xây dựng, hoàn thiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 ở các bước tiếp theo, UBND tỉnh sẽ tiếp tục tổng kết, đánh giá một cách toàn diện kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025, trong đó nêu bật những kết quả đạt được; khó khăn, hạn chế; nguyên nhân và những giải pháp khắc phục để tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt.

b) Về chi tiết các nguồn vốn, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị rà soát, đánh giá khả năng thu ngân sách trong giai đoạn 2026-2030 đối với nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất để bố trí cho đầu tư công (dự kiến là 31.000 tỷ đồng, chiếm gần 32% trong tổng nguồn vốn đầu tư công trung hạn 2026-2030); đồng thời, làm rõ tính khả thi trong việc xác định các nguồn vốn theo cơ chế chính sách theo Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội (dự kiến là 3.340 tỷ đồng).

UBND tỉnh xin tiếp thu và giải trình như sau:

- Về dự kiến nguồn thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2026-2030: Dự kiến giai đoạn 2026-2030 sẽ phát sinh nguồn thu tiền sử dụng đất các dự án khu đô thị lớn trên địa bàn tỉnh² để bổ sung nguồn vốn đầu tư phát triển. UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan tiếp

² Dự án Khu đô thị hỗn hợp thành phố Nha Trang; Khu đô thị phức hợp Cam Thượng; Khu đô thị phức hợp Suối Tân; Khu đô thị phức hợp Cam Tân; Khu đô thị phức hợp Cam Hòa; Đô thị mới Cam Lâm; Khu đô thị ven vịnh Cam Ranh; Dự án Khu đô thị Công nghệ FPT; Dự án Khu đô thị mới cao cấp Cổ Mã; Dự án Khu đô thị mới cao cấp Tu Bông; Dự án Khu đô thị mới cao cấp Đầm Môn; Dự án Khu phức hợp nghỉ dưỡng và giải trí KN Paradise;...

tục tham mưu UBND tỉnh đẩy mạnh thực hiện nguồn thu sử dụng đất trong giai đoạn 2026-2030 để bảo đảm nguồn vốn bố trí cho các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030.

- Về nguồn vốn theo cơ chế đặc thù tại Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội dự kiến là 3.340 tỷ đồng, trong đó:

- + Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW) dự kiến là 200 tỷ đồng.
- + Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT Vân Phong dự kiến là 140 tỷ đồng.
- + Nguồn vốn từ nguồn bội chi ngân sách địa phương³ dự kiến là 3.000 tỷ đồng.

Nguồn vốn theo cơ chế đặc thù tại Nghị quyết số 55/2022/QH15 là chính sách đặc thù riêng mà Quốc hội cho phép tỉnh Khánh Hòa thực hiện, có hiệu lực đến năm 2027. Vì vậy UBND tỉnh quyết tâm tận dụng có hiệu quả các cơ chế, chính sách này để bổ sung nguồn lực đầu tư phát triển với mục tiêu đưa Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc trung ương vào năm 2030.

5. Về việc gia hạn thời gian bố trí vốn các dự án theo quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công

Ban đề nghị UBND tỉnh điều chỉnh một số nội dung tại dự thảo nghị quyết như sau:

- Về tên gọi Nghị quyết, điều chỉnh thành: “Về việc gia hạn thời gian bố trí vốn các dự án đầu tư công”.

- Tại Điều 1, điều chỉnh thành “Thông nhất gia hạn thời gian bố trí vốn đến hết năm 2025 đối với các dự án sau:

1. Mở rộng Hương lộ 5 (Tỉnh lộ 8 - Am Chúa).
2. Cầu Mương Quan, xã Diên Phú.”

- Tại Điều 2, điều chỉnh thành “1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.”.

Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã hoàn thiện lại dự thảo Nghị quyết về việc gia hạn thời gian bố trí vốn các dự án Đầu tư công.

6. Kiến nghị

Trên cơ sở các nội dung báo cáo nêu trên, UBND tỉnh đã thực hiện rà soát, bổ sung hoàn thiện 04 dự thảo Nghị quyết trình HĐND tỉnh tại Kỳ họp thứ 16, bao gồm:

- Nghị quyết về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

³ Bao gồm nguồn phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ tổ chức tài chính trong nước, tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho Tỉnh vay lại theo Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội.

- Nghị quyết về kế hoạch đầu tư công năm 2025.
 - Nghị quyết về việc cho ý kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (lần 1).
 - Nghị quyết về việc gia hạn thời gian bố trí vốn các dự án đầu tư công.
- Ủy ban nhân dân tỉnh kính báo cáo./.

(Gửi kèm theo:

- Dự thảo Nghị quyết về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.
- Dự thảo Nghị quyết về kế hoạch đầu tư công năm 2025.
- Dự thảo Nghị quyết về việc cho ý kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (lần 1).
- Dự thảo Nghị quyết về việc gia hạn thời gian bố trí vốn các dự án đầu tư công.)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TLe, LV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hòa Nam

Số: /NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về việc gia hạn thời gian bố trí vốn các dự án đầu tư công

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA VII - KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2024 của Ban kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất gia hạn thời gian bố trí vốn đến hết năm 2025 đối với các dự án sau:

- Dự án Mở rộng Hương lộ 5 (Tỉnh lộ 8 – Am Chúa).
- Dự án Cầu Mường Quán, xã Diên Phú.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
- Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VII nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày tháng năm 2024./.

Nơi nhận:

- UBTVQH, CP;
- Bộ TC, Bộ KHĐT;
- Ban thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH; Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các ban đảng;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu VT, HDT, VN.

CHỦ TỊCH

Số: /NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA VII - KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2024 của Ban kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo Phụ lục 1, 2 đính kèm.

Điều 2. Giữ nguyên các nội dung khác của Nghị quyết số 131/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025; Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2023, Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023, Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2023, Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023, Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2024, Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 11 tháng 6 năm 2024, Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024, Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 13 tháng 9 năm 2024, Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VII nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày tháng năm 2024./.

Nơi nhận:

- UBTVQH, CP;
- Bộ TC, Bộ KHĐT;
- Ban thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH; Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBNDTTQVN tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các ban đảng;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu VT, HDT, VN.

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC 1

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2024
của HĐND tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị tính: triệu đồng.

Số TT	Nguồn vốn đầu tư công	Tổng số kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28/3/2024 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tổng số kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
	TỔNG SỐ	43.402.756	-64.679	43.338.077	
1	Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương	30.615.276	-18.379	30.596.897	
1.1	Nguồn XDCB tập trung	12.109.442	-68.379	12.041.063	
-	Cấp tỉnh quản lý	9.335.992	507.034	9.843.026	
-	Cấp huyện quản lý	2.773.450	-575.413	2.198.037	
1.2	Nguồn cấp quyền sử dụng đất	17.315.834	0	17.315.834	
-	Cấp tỉnh quản lý	14.029.734		14.029.734	
	<i>Trong đó: Nguồn thu SDD bổ sung giai đoạn 2023-2025</i>	<i>12.570.000</i>		<i>12.570.000</i>	
-	Cấp huyện quản lý	3.286.100		3.286.100	
1.3	Nguồn vốn XSKT	1.190.000	50.000	1.240.000	
2	Nguồn vốn từ nguồn tăng thu, kết dư, tiết kiệm chi NSDP	823.466		823.466	
3	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội	1.780.000	-46.300	1.733.700	
-	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)	100.000		100.000	
-	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT Vân Phong	250.000		250.000	
-	Nguồn vốn từ nguồn bội chi NSDP (bao gồm nguồn phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ tổ chức tài chính trong nước, tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho Tỉnh vay lại theo Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội)	1.430.000	-46.300	1.383.700	
4	Nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài	1.522.720		1.522.720	
-	Cấp phát từ NSTW	701.054		701.054	Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 21/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ
-	Địa phương vay lại	821.666		821.666	

Số TT	Nguồn vốn đầu tư công	Tổng số kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28/3/2024 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tổng số kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
5	Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ	8.728.251		8.728.251	
a	Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu (vốn trong nước)	7.908.251		7.908.251	
	Trong đó:				
-	Vốn Trung ương hỗ trợ theo ngành, lĩnh vực	6.122.800		6.122.800	Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 29/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ (600 tỷ đồng nguồn tăng thị trường NSTW năm 2022)
-	Vốn Trung ương hỗ trợ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	833.251		833.251	Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022; Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ
-	Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	952.200		952.200	Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ
b	Vốn từ nguồn dự phòng NSTW 2020	120.000		120.000	
c	Vốn từ nguồn dự phòng NSTW 2021	100.000		100.000	Quyết định số 2266/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ
d	Vốn từ nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi NSTW 2021	600.000		600.000	Quyết định số 258/QĐ-TTg ngày 30/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ (Giao vốn năm 2024 cho Dự án thành phần 1 của Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1)
6	Nguồn vốn Trung ương bị hủy do không giải ngân hết theo quy định	-66.957		-66.957	Vốn TW bị hủy của 02 dự án: Cảng cá động lực thuộc Trung tâm nghề cá lớn (giai đoạn 1) (bị hủy kế hoạch vốn là 21,875 tỷ đồng); Đường Quốc lộ 1A đi cầu Bến Miếu - đoạn Quốc lộ đến Tiểu đoàn 2-E23 (bị hủy kế hoạch vốn là 45,082 tỷ đồng) theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 11/6/2024 của HĐND tỉnh

PHỤ LỤC 2
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2024
của HĐND tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh				Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CBNS địa phương	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CBNS địa phương	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CBNS địa phương	Trong đó:			
								Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA			Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn bồi chi NSDP (*)			Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn bồi chi NSDP (*)			Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn bồi chi NSDP (*)		
																							Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội
TỔNG SỐ										17.039.954	13.149.169	250.000	1.430.000	-64.679	-18.379	0	-46.300	16.975.275	13.130.790	2.110.785	250.000	1.383.700	
A	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH QUẢN LÝ									14.266.504	10.375.719	250.000	1.430.000	510.734	557.034	0	-46.300	14.777.238	10.932.753	2.110.785	250.000	1.383.700	
I	Văn hóa thông tin									5.600	5.600	0	0	-100	-100	0	0	5.500	5.500	0	0	0	
1	Tu bổ di tích Đình Phong Thạnh	Số VHHT	Ninh Hòa	2023-2025	148/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	2517/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	2.698	2.698		2.700	2.700			-50	-50			2.650	2.650				
2	Tu bổ di tích Miếu Hội đồng	Số VHHT	Ninh Hòa	2023-2025	147/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	2516/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	2.899	2.899		2.900	2.900			-50	-50			2.850	2.850				
II	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản									450.000	150.000	0	300.000	-190.000	-90.000	0	-100.000	260.000	60.000	0	0	200.000	
1	Sửa chữa, nâng cấp Hồ Đá Bàn		Ninh Hòa	2025-2028	134/NQ-HĐND ngày 06/11/2024		400.000	400.000		0				10.000	10.000			10.000	10.000	0	0	0	
2	Chính trị hạ lưu sông Tắc (giai đoạn II)	Bac QLDA ĐTXD CCT NN&PTNT	xã Vĩnh Thái, xã Phước Đồng, Nha Trang	2024-2027	110/NQ-HĐND ngày 08/12/2023		600.000	600.000		450.000	150.000		300.000	-200.000	-100.000		-100.000	250.000	50.000	0	0	200.000	
III	Giao thông									5.123.464	2.753.464	0	600.000	-391.653	-191.653	0	-200.000	4.731.811	2.561.811	1.770.000	0	400.000	
1	Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh		Diên Khánh, Nha Trang	2023-2027	06/NQ-HĐND ngày 30/3/2023		1.496.435	1.096.435	400.000	847.000	597.000		200.000	0	-50.000	0	50.000	847.000	547.000	50.000	0	250.000	
-	Dự án thành phần 1: Dự án xây dựng Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh	BQL DAĐT XD các CT GT	Diên Khánh, Nha Trang	2023-2027	06/NQ-HĐND ngày 30/3/2023	1984/QĐ-UBND ngày 30/7/2024	1.316.374	916.374	400.000	712.500	462.500		200.000	0	-50.000		50.000	712.500	412.500	50.000	0	250.000	
-	Dự án thành phần 2: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua thành phố Nha Trang phục vụ dự án Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh	UBND TP Nha Trang	Nha Trang		06/NQ-HĐND ngày 30/3/2023		4.570	4.570		4.500	4.500						4.500	4.500	0	0	0		

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh					Ghi chú					
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:									
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn CDNS địa phương	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CDNS địa phương		Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CDNS địa phương		Vốn TW bổ trợ	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội			
								Vốn NS tỉnh			Vốn NSTW, ODA					Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn bội chi NSDP (*)					Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn bội chi NSDP (*)	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn bội chi NSDP (*)
-	Dự án thành phần 3: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua huyện Diên Khánh phục vụ dự án Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh	UBND huyện Diên Khánh	Diên Khánh		06/NQ-HĐND ngày 30/3/2023		132.413	132.413		130.000	130.000				130.000	130.000	0	0	0						
2	Đường giao thông từ Quốc lộ 27C đến đường tỉnh ĐT.656 tỉnh Khánh Hòa - kết nối với tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Ninh Thuận	BQL DAĐT XD các CT GT	huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh	2023-2027	92/2023/QĐ-H15 ngày 20/6/2023	446/QĐ-UBND ngày 15/02/2024	1.930.000	930.000	1.000.000	1.121.994	121.994				1.121.994	121.994	1.000.000	0	0						
-	Dự án thành phần xây lắp thuộc Dự án đường giao thông từ QL 27C đến đường tỉnh ĐT.656 tỉnh Khánh Hòa - kết nối với tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Ninh Thuận	BQL DAĐT XD các CT GT	huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh		92/2023/QĐ-H15 ngày 20/6/2023	446/QĐ-UBND ngày 15/02/2024	1.809.107			1.001.994	1.994				1.001.994	1.994	1.000.000	0	0						
-	Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ tái định cư thuộc Dự án đường giao thông từ QL 27C đến đường tỉnh ĐT.656 tỉnh Khánh Hòa - kết nối với tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Ninh Thuận	BQL DAĐT XD các CT GT	huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh	2024-2025	92/2023/QĐ-H15 ngày 20/6/2023	1864/QĐ-UBND ngày 16/7/2024	120.399	120.399		120.000	120.000				120.000	120.000	0	0	0						
3	Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2)	BQL DAĐT XD các CT GT	Vạn Ninh và Ninh Hòa	2023-2027	29/NQ-HĐND ngày 21/7/2023		875.749	875.749		400.000	400.000				400.000	400.000	0	0	0						
-	Dự án thành phần 1: Dự án xây dựng Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2)	BQL DAĐT XD các CT GT	Vạn Ninh và Ninh Hòa	2023-2027	29/NQ-HĐND ngày 21/7/2023		605.800	605.800		250.000	250.000				250.000	250.000	0	0	0						
-	Dự án thành phần 2: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua huyện Vạn Ninh phục vụ Dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2)	UBND huyện Vạn Ninh	V. Ninh	2023-2027	29/NQ-HĐND ngày 21/7/2023		85.402	85.402		50.000	50.000				50.000	50.000	0	0	0						

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh					Ghi chú								
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CDNS địa phương	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Trong đó:		Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT					
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA			Vốn CDNS địa phương	Trong đó:							Vốn CDNS địa phương					Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội		Vốn CDNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	
												Trong đó:												Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội			Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội
-	Dự án thành phần 3: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua thị xã Ninh Hòa phục vụ Dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2)	UBND thị xã Ninh Hòa	Ninh Hòa	2023-2027	29/NQ-HĐND ngày 21/7/2023		184.547	184.547		100.000	100.000				100.000	100.000	0	0	0									
4	Đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đến thị xã Ninh Hòa		Ninh Hòa - Vạn Ninh	2024-2027	94/NQ-UBND ngày 07/12/2023; 628/HĐND-VP ngày 08/11/2024		2.031.016	1.431.016	600.000	1.400.000	400.000	400.000	-350.000	50.000	-400.000	1.050.000	450.000	600.000	0	0								
-	Dự án thành phần 1: Dự án xây dựng Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa	BQL KKT Văn phòng	Vạn Ninh và Ninh Hòa	2024-2027	94/NQ-UBND ngày 07/12/2023; 628/HĐND-VP ngày 08/11/2024	1790/QĐ-UBND ngày 08/7/2024	1.705.030	1.105.030	600.000	1.345.000	345.000	400.000	-600.000	-200.000	-400.000	745.000	145.000	600.000	0	0								
-	Dự án thành phần 2: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua địa bàn huyện Vạn Ninh phục vụ Dự án tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa	UBND huyện Vạn Ninh	Vạn Ninh		94/NQ-UBND ngày 07/12/2023; 628/HĐND-VP ngày 08/11/2024		230.357	230.357		35.000	35.000					225.000	225.000	0	0	0								
-	Dự án thành phần 3: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua địa bàn thị xã Ninh Hòa phục vụ Dự án tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa	UBND thị xã Ninh Hòa	Ninh Hòa		94/NQ-UBND ngày 07/12/2023; 628/HĐND-VP ngày 08/11/2024		95.618	95.618		20.000	20.000			60.000	60.000		80.000	80.000	0	0	0							
5	Nâng cấp mở rộng đường Quốc lộ 26B, tỉnh Khánh Hòa	Ban QLDA ĐTXD CCT Giao thông	Thị xã Ninh Hòa	2024-2025	45/NQ-UBND ngày 12/7/2024		865.481	865.481		860.000	860.000		0	-150.000	150.000	860.000	710.000	0	0	150.000								
6	Sửa chữa đường ĐT.656 (Tỉnh lộ 9)	Sở GTVT	Khánh Sơn	2024-2025	41/NQ-UBND ngày 12/7/2024	732/QĐ-SGTVT ngày 04/9/2024	6.559	6.559		7.000	7.000		-500	-500		6.500	6.500	0	0	0								
7	Xây dựng Cầu Huyện 2 và đường dẫn	UBND huyện Vạn Ninh	TT Vạn Giã và xã Vạn Thắng	2021-2025	91/NQ-UBND ngày 08/12/2020; 120/NQ-UBND ngày 31/10/2024	2415/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	175.573	39.300	120.000	130.000	10.000		29.300	29.300		159.300	39.300	120.000	0	0								

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh				Ghi chú					
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn CDNS địa phương	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CDNS địa phương	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CDNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ		Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội				
								Vốn NS tỉnh			Vốn NSTW, ODA	Vốn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hệ tầng KKT				Nguồn bội chi NSDP (*)						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hệ tầng KKT	Nguồn bội chi NSDP (*)	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hệ tầng KKT	Nguồn bội chi NSDP (*)	
8	Xây dựng mới thay thế 03 cầu: Thác Ngựa, Sông Giang, Sông Chò trên tuyến Tỉnh lộ 8B, huyện Khánh Vĩnh	BQL DADT XD các CT GT	Khánh Vĩnh	2023-2025	28/NQ-HĐND ngày 21/7/2023	1767/QĐ-UBND ngày 04/7/2024	292.941	292.941		257.470	257.470			-83.970	-83.970			173.500	173.500							
9	Cầu qua sông Kim Bông	BQLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2021-2025	13/NQ-HĐND ngày 09/7/2019	2955/QĐ-UBND ngày 30/10/2020; 3414/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	131.731	131.731		100.000	100.000			-30.083	-30.083			69.917	69.917							
10	Nâng cấp đường Diên Đông-Diên Xuân (đoạn từ Trường Mầm non đến đất bà Trang)		Xã Diên Đông, Diên Khánh	2024-2025	68/NQ-HĐND ngày 01/11/2024		14.900	14.900						14.900	14.900			14.900	14.900	0	0	0				
11	Cầu Hội Xương, xã Suối Hiệp		Xã Suối Hiệp, Diên Khánh	2024-2025	67/NQ-HĐND ngày 01/11/2024		14.203	14.203						14.200	14.200			14.200	14.200	0	0	0				
12	Cầu Suối Đàng, xã Diên Hòa		Xã Diên Hòa, Diên Khánh	2024-2025	69/NQ-HĐND ngày 01/11/2024		14.500	14.500						14.500	14.500			14.500	14.500	0	0	0				
IV	Hạ tầng khu, cụm công nghiệp và khu kinh tế									530.000	120.000	210.000	200.000	2.388	52.388	-100.000	50.000	532.388	172.388	0	110.000	250.000				
1	Nâng cấp, mở rộng Cầu tuyến Tỉnh lộ 1B (đoạn từ nút giao Quốc lộ 26B đến nút giao Tỉnh lộ 1)	BQL KKT Văn Phong	Ninh Hòa	2023-2026	70/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	223/QĐ-KKT ngày 24/7/2024	538.591	538.591		530.000	120.000	210.000	200.000	0	50.000	-100.000	50.000	530.000	170.000	0	110.000	250.000				
2	Bồi thường, hỗ trợ tái định cư khu vực mở rộng dải cây xanh cách ly thuộc Cụm công nghiệp Đặc Lọc	UBND TP Nha Trang	Nha Trang			3928/QĐ-UBND ngày 17/12/2018; 2309/QĐ-UBND ngày 11/8/2024	26.460	26.460						2.388	2.388			2.388	2.388	0	0	0				
V	Quản lý nhà nước									0	0	0	0	16.000	16.000	0	0	16.000	16.000	0	0	0				
1	Xây dựng mới Tru sở Chi cục Chăn nuôi và Thú y		Nha Trang	2024-2025	126/NQ-HĐND ngày 06/11/2024		14.989	14.989		0				14.500	14.500			14.500	14.500	0	0	0				
2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Trung tâm Công báo tỉnh Khánh Hòa		Nha Trang	2024-2025	127/NQ-HĐND ngày 06/11/2024		1.551	1.551		0				1.500	1.500			1.500	1.500	0	0	0				
VI	Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội									19.200	19.200	0	0	9.300	9.300	0	0	28.500	28.500	0	0	0				
1	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa	Công an tỉnh	xã Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa	2023-2025	54/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	2613/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	6.519	6.519		6.800	6.800			-300	-300			6.500	6.500	0	0	0				

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh					Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn CDNS địa phương	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội			Vốn CDNS địa phương	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CDNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội			
								Vốn NS tỉnh			Vốn NSTW, ODA	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT			Nguồn bội chi NSĐP (*)	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT					Nguồn bội chi NSĐP (*)		Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn bội chi NSĐP (*)
2	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Đại Lãnh, huyện Vạn Ninh	Công an tỉnh	xã Đại Lãnh, huyện Vạn Ninh	2023-2025	66/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	2719/QĐ-UBND ngày 17/10/2024	5.873	5.873		5.900	5.900			-100	-100			5.800	5.800	0	0	0		
3	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Vạn Bình, huyện Vạn Ninh	Công an tỉnh	xã Vạn Bình, huyện Vạn Ninh	2023-2025	63/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	2717/QĐ-UBND ngày 17/10/2024	6.258	6.258		6.500	6.500			-300	-300			6.200	6.200	0	0	0		
4	Công trình SH4-KH2022	BCHQS tỉnh		2024-2027	53/NQ-HĐND ngày 31/10/2024		44.000	44.000						10.000	10.000			10.000	10.000	0	0	0		
VII	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư									1.994.300	1.664.300	0	330.000	-1.166.600	-1.370.300	0	203.700	827.700	294.000	0	0	533.700		
1	Di dời và tái định cư khu vực phía đông đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Vạn Giã	UBND huyện Vạn Ninh	thị trấn Vạn Giã, xã Vạn Thắng, huyện Vạn Ninh	2023-2025	111/NQ-HĐND ngày 08/12/2023		261.007	261.007		261.000	61.000		200.000	-61.000	139.000		-200.000	200.000	200.000	0	0	0		
2	Khu tái định cư Vạn Thắng - Giai đoạn 1	UBND huyện Vạn Ninh	xã Vạn Thắng, xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh	2024-2025	112/NQ-HĐND ngày 08/12/2023		1.408.000	1.408.000		1.408.000	1.338.000		70.000	-820.300	-1.284.000		463.700	587.700	54.000	0	0	533.700		
3	Mở rộng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Ninh Mã (giai đoạn 2)	UBND huyện Vạn Ninh	xã Vạn Thọ, huyện Vạn Ninh	2024-2025	133/NQ-HĐND ngày 14/12/2023		325.300	325.300		325.300	265.300		60.000	-295.300	-235.300		-60.000	30.000	30.000	0	0	0		
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu Tái định cư Vĩnh Trung - Vĩnh Thái (giai đoạn 2)		Nha Trang	2024-2027	121/NQ-HĐND ngày 06/11/2024		303.996	303.996						10.000	10.000			10.000	10.000	0	0	0		
VIII	Lập quy hoạch tỉnh, các chính sách đầu tư công khác theo quy định									150.000	150.000	0	0	89.377	89.377	0	0	239.377	239.377	0	0	0		
1	Vốn ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh									150.000	150.000			87.900	87.900			237.900	237.900	0	0	0		
2	Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Khánh Hòa đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065	Số Xây dựng				2619/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	1.477	1.477		0				1.477	1.477			1.477	1.477	0	0	0		
IX	Đề án tổng thể giảm nghèo của 2 huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh giai đoạn 2021-2025									39.873	39.873	0	0	10.127	10.127	0	0	50.000	50.000	0	0	0		
	Huyện Khánh Sơn									39.873	39.873	0	0	10.127	10.127	0	0	50.000	50.000	0	0	0		

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh				Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Tăng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn CDNS địa phương	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội		Vốn CDNS địa phương	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội		Vốn CDNS địa phương	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội						
								Vốn NS tỉnh			Vốn NSTW, ODA			Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT			Nguồn bội chi NSDP (*)		Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn bội chi NSDP (*)		Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn bội chi NSDP (*)
1	Đập dâng Tô Hạp 1	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	thị trấn Tô Hạp, Khánh Sơn	2023-2025	34/NQ-HĐND ngày 09/10/2023	3663/QĐ-UBND ngày 01/12/2023	50.000	50.000		39.873	39.873			10.127	10.127			50.000	50.000	0	0	0	
X	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện													61.370	61.370	0	0	61.370	61.370	0	0	0	
1	Thị xã Ninh Hòa													35.720	35.720			35.720	35.720	0	0	0	văn bản số 12392/UBND-KT ngày 01/11/2024 của UBND tỉnh; Tờ trình số 4424/TTr-UBND ngày 10/10/2024 của UBND TX Ninh Hòa; Văn bản số 12488/UBND-KT ngày 04/11/2024 của UBND tỉnh; Tờ trình số 4310/TTr-UBND ngày 02/10/2024 của UBND TX Ninh Hòa
2	Huyện Cam Lâm													18.650	18.650			18.650	18.650	0	0	0	văn bản số 12393/UBND-KT ngày 01/11/2024 của UBND tỉnh; Tờ trình số 2687/TTr-UBND ngày 09/10/2024 của UBND huyện Cam Lâm
3	Thành phố Cam Ranh													7.000	7.000			7.000	7.000	0	0	0	văn bản số 11640/UBND-KT ngày 16/10/2024 của UBND tỉnh; Tờ trình số 315/TTr-UBND ngày 12/9/2024 của UBND TP Cam Ranh
XI	Bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất của tỉnh Khánh Hòa													407.500	407.500			407.500	407.500	0	0	0	
XII	Chương trình MTQC phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa			2021-2025	32/NQ-HĐND ngày 30/8/2022, 20/NQ-HĐND ngày 02/6/2023, 05/NQ-HĐND ngày 28/3/2024, 123/NQ-HĐND ngày 06/11/2024					385.831	45.046			6.055	6.055			391.886	51.101	340.785	0	0	
XIII	Dự phòng để xử lý các vấn đề phát sinh trong kế hoạch trung hạn									5.568.236	5.428.236	40.000	0	1.656.970	1.556.970	100.000		7.225.206	6.985.206	0	140.000	0	
B	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN QUẢN LÝ (đầu tư theo các ngành, lĩnh vực, chương trình)									2.773.450	2.773.450	0	0	-575.413	-575.413	0	0	2.198.037	2.198.037	0	0	0	
I	Nguồn XDCB tập trung									2.773.450	2.773.450			-575.413	-575.413			2.198.037	2.198.037				

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KCC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh					Ghi chú			
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CDNS địa phương	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CDNS địa phương	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CDNS địa phương		Vốn TW hỗ trợ	Trong đó:	
							Trong đó:					Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn bội chi NSDP (*)			Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn bội chi NSDP (*)					Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn bội chi NSDP (*)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA															
1	Thành phố Nha Trang								576.878	576.878			-202.447	-202.447			374.431	374.431					
2	Thành phố Cam Ranh								296.759	296.759			-50.639	-50.639			246.120	246.120					
3	Huyện Cam Lâm								277.345	277.345			-47.302	-47.302			230.043	230.043					
4	Huyện Diên Khánh								363.322	363.322			-61.484	-61.484			301.838	301.838					
5	Thị xã Ninh Hoà								404.924	404.924			-68.684	-68.684			336.240	336.240					
6	Huyện Vạn Ninh								310.626	310.626			-52.627	-52.627			257.999	257.999					
7	Huyện Khánh Vĩnh								313.400	313.400			-53.299	-53.299			260.101	260.101					
8	Huyện Khánh Sơn								230.196	230.196			-38.931	-38.931			191.265	191.265					

Ghi chú: (*) Nguồn bội chi ngân sách địa phương bao gồm nguồn phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ tổ chức tài chính trong nước, tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho Tỉnh vay lại theo Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội.

Số: /NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về kế hoạch đầu tư công năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA VII - KỲ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025, giao dự toán, kế hoạch đầu tư công từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách trung ương;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2024 của Ban kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch đầu tư công năm 2025 như sau:

1. Tổng kế hoạch đầu tư công năm 2024 là 5.592,771 tỷ đồng. Trong đó:

a) Tổng vốn đầu tư công nguồn cân đối ngân sách địa phương: 5.444,64 tỷ đồng. Cụ thể:

- Nguồn vốn XDCB tập trung: 3.129,64 tỷ đồng.

- Nguồn vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối: 2.000 tỷ đồng.

- Nguồn vốn từ nguồn thu XSKT: 315 tỷ đồng.

(Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, nguồn bội chi: thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng

Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính).

b) Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ Chương trình mục tiêu quốc gia: 148,131 tỷ đồng.

2. Phân cấp quản lý vốn đầu tư

a) Ngân sách cấp tỉnh quản lý đầu tư: 4.539,918 tỷ đồng. Trong đó:

- Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương: 4.391,787 tỷ đồng, gồm:

+ Nguồn XDCB tập trung là: 2.661,787 tỷ đồng.

+ Nguồn vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối: 1.415 tỷ đồng.

+ Nguồn vốn từ nguồn thu XSKT: 315 tỷ đồng.

- Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ Chương trình mục tiêu quốc gia: 148,131 tỷ đồng.

b) Ngân sách cấp huyện quản lý đầu tư: 1.052,853 tỷ đồng. Trong đó:

- Nguồn vốn XDCB tập trung: 467,853 tỷ đồng.

- Nguồn cấp quyền sử dụng đất: 585 tỷ đồng.

3. Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công, danh mục chương trình, dự án đầu tư thuộc nhiệm vụ chi đầu tư cấp tỉnh và vốn đầu tư phân cấp cho cấp huyện theo các Phụ lục 1, 2, 3, 4 đính kèm.

Điều 2. Các giải pháp thực hiện

1. Tiếp tục thực hiện công tác tăng cường quản lý đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định của Chính phủ. Không bố trí danh mục dự án trong kế hoạch đầu tư công năm 2025 nếu chưa được quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư theo quy định.

2. Chỉ đạo UBND cấp huyện (bao gồm cấp xã) thực hiện theo nguyên tắc, thứ tự ưu tiên đầu tư và dự kiến phân bổ nguồn vốn cho các ngành, lĩnh vực, chương trình tương ứng với số vốn phân cấp được phân bổ và số vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công; tập trung đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, tiến độ thi công, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc về đất đai, tài nguyên...; có chế tài xử lý nghiêm khắc theo quy định pháp luật các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tổ chức, cá nhân cố tình gây khó khăn, cản trở, làm chậm tiến độ giao vốn, thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công. Thay thế kịp thời những cán bộ, công chức, viên chức yếu kém về năng lực, trì trệ, gây những phiền hà, kiên quyết xử lý các hành vi tiêu cực trong quản lý đầu tư công.

3. Chỉ đạo các sở, ban, ngành liên quan:

- Khẩn trương thực hiện kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất giai đoạn 2023-2025 và năm 2025 để bổ sung nguồn vốn đầu tư

công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện đầu tư các dự án đầu tư công trọng điểm theo Kế hoạch số 7201/KH-UBND ngày 20/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Xác định nguồn vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh giai đoạn 2023-2027 khi thực hiện khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội khi kết thúc niên độ ngân sách hàng năm.

- Trình cấp có thẩm quyền bổ sung nguồn vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương năm 2025 để bố trí nguồn vốn cho các dự án đầu tư công trọng điểm.

- Xác định nguồn vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh giai đoạn 2023-2027 theo khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội khi kết thúc niên độ ngân sách hàng năm.

- Thực hiện công tác xúc tiến, kêu gọi các nhà đầu tư chiến lược để bổ sung nguồn vốn đầu tư phát triển từ nguồn ứng trước kinh phí cho Nhà nước để thực hiện dự án đầu tư công xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật thiết yếu trong Khu kinh tế Vân Phong trong giai đoạn 2022-2027 khi thực hiện điểm b khoản 9 Điều 7 Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội.

- Triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, các bộ ngành Trung ương về rà soát kế hoạch đầu tư công; trình cấp có thẩm quyền xem xét, cho ý kiến, quyết định chủ trương đầu tư dự án phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư công.

4. Thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư định kỳ ở các cấp tỉnh, huyện, xã. Kiểm tra việc báo cáo giám sát đánh giá đầu tư của các chủ đầu tư (cả chủ đầu tư nguồn vốn ngoài ngân sách), của UBND cấp huyện để đánh giá hiệu quả đầu tư 6 tháng và hàng năm.

5. Các chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương, vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ năm 2025 đẩy nhanh tiến độ thi công và nghiệm thu khối lượng hoàn thành để giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn giao. Tích cực xử lý các vướng mắc phát sinh, rà soát các vướng mắc cụ thể về cơ chế chính sách đã ban hành làm ảnh hưởng đến công tác tạm ứng, thanh toán vốn (nếu có), báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để xin ý kiến xử lý.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày tháng năm 2024./.

CHỦ TỊCH***Nơi nhận:***

- UBTVQH, CP;
- Bộ TC, Bộ KHĐT;
- Ban thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH; Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBNDTTQVN tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các ban đảng;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu VT, HDT, VN.

PHỤ LỤC 1

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CỦA TỈNH KHÁNH HÒA

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025					Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT		Vốn TW hỗ trợ
							Trong đó:									
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA								
TỔNG SỐ										5.592.771	3.129.640	2.000.000	315.000	148.131		
A	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH QUẢN LÝ									4.539.918	2.661.787	1.415.000	315.000	148.131		
A.1	Trả nợ vốn vay							120.485	46.300	46.300	0	0	0			
1	Dự án Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải - Tiểu Dự án Nha Trang									838	838					
2	Dự án Sửa chữa nâng cao an toàn đập									6.400	6.400					
3	Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán (WEIDAP/ADB8)									240	240					
4	Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai VILG									1.630	1.630					
5	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu Dự án TP. Nha Trang									37.192	37.192					
A.2	Vốn chuẩn bị đầu tư								101.009	48.991	48.991					
A.3	Vốn thực hiện đầu tư									4.444.627	2.566.496	1.415.000	315.000	148.131		

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT		Vốn TW hỗ trợ
							Trong đó:								
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA							
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp								176.557	31.057	0	145.500			
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025								170.117	28.817	0	141.300			
1	Cải tạo, sửa chữa Trường Đại học Khánh Hòa	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2023-2025	89/NQ-HĐND ngày 07/12/2023	1189/QĐ-UBND ngày 06/5/2024	30.988	30.988	7.449	14.000			14.000		
2	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn (giai đoạn 2)	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2022-2024	03/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	2027/QĐ-UBND ngày 24/8/2023	35.734	35.734	17.500	16.000			16.000		
3	Sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất và xây mới ký túc xá Trường trung cấp nghề Cam Ranh	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Cam Ranh	2022-2024	21/NQ-HĐND ngày 14/4/2021; 86/NQ-HĐND ngày 07/12/2023	219/QĐ-UBND ngày 20/01/2022; 3121/QĐ-UBND ngày 21/11/2022; 1803/QĐ-UBND ngày 08/7/2024	11.460	11.460	7.026	3.000	3.000				
4	Nâng cấp trang thiết bị phục vụ giảng dạy và công tác quản lý Trường Đại học Khánh Hòa	Trường Đại học Khánh Hòa	Nha Trang	2022-2024	52/NQ-HĐND ngày 19/7/2022	230/QĐ-UBND ngày 25/01/2024	59.925	59.925	48.955	96			96		
5	BTHT để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Trường CD Sư phạm Nha Trang	Ban QLDA Phát triển tỉnh	NT	2012-2024		2162/QĐ-UBND ngày 30/8/2012; 2701/QĐ-UBND ngày 06/10/2020; 2140/QĐ-CTUBND ngày 26/7/2021; 358/QĐ-UBND ngày 16/02/2023; 1165/QĐ-UBND ngày 25/5/2023; 558/QĐ-UBND ngày 04/3/2024	74.935	74.935	48.514	21.336			21.336		

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú					
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:				
							Trong đó:								Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	
6	CSHT khu trường học, đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông	BQL DADT XD các CT GT	NT	2006-2025		131/QĐ-UBND ngày 16/01/2007; 2676/QĐ-UBND ngày 8/10/2014; 96/QĐ-UBND ngày 14/01/2020; 77/QĐ-UBND ngày 08/01/2021; 3356/QĐ-UBND ngày 06/12/2022; 2796/QĐ-UBND ngày 17/11/2023; 2914/QĐ-UBND ngày 11/11/2024	562.820	562.820		242.723	6.885	6.885							
7	Trường mầm non Sóc Nâu, xã Cam An Nam	Ban QLDA huyện Cam Lâm	xã Cam An Nam	2022-2023	61/NQ-HĐND ngày 17/12/20	820/QĐ-UBND ngày 18/4/2022	8.072	4.550		2.550	2.000			2.000					
8	Trường THCS Sơn Lâm	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	xã Sơn Bình	2024-2025	1251/QĐ-UBND ngày 01/10/2020; 08/NQ-HĐND ngày 27/02/2024	1059/QĐ-UBND ngày 05/6/2024	22.000	22.000		6.500	15.500			15.500					
9	Trường Mầm non Sao Mai	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	xã Ba Cầm Bắc	2021-2025	32/NQ-HĐND ngày 24/11/2020; 07/NQ-HĐND ngày 27/02/2024	3598/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	27.000	27.000		1.700	25.300			25.300					
10	Trường mầm non Phong Lan	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	xã Sơn Lâm	2023-2025	33/NQ-HĐND ngày 24/11/2020	2592/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	24.000	24.000		8.000	16.000			16.000					
11	Xây dựng mới Trường Trung cấp nghề Diên Khánh	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Diên Khánh	2022-2025	139/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	3418/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	79.952	79.952		2.085	50.000	18.932		31.068					
<i>b</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2025</i>									6.440	2.240	0	4.200						

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn XD CB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối		Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ
1	Trường Mầm non Vạn Lương: Xây mới 04 phòng học	Ban QLDA các CTXD huyện Vạn Ninh	xã Vạn Lương, Vạn Ninh	2025	15/NQ-HĐND ngày 17/3/2021	461/QĐ-UBND ngày 18/5/2021	3.198	2.240		0	2.240	2.240				
2	Trường Mầm non Vành Khuyên, xã Suối Cát	Ban QLDA huyện Cam Lâm	Xã Suối Cát, huyện Cam Lâm	2024-2025	66/NQ-HĐND 17/12/20	914/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	11.890	4.200		0	4.200		4.200			
II	Khoa học, công nghệ										99.800	99.800	0	0		
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025</i>										99.800	99.800	0	0		
1	Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN Khánh Hòa	Sở KH&CN	NT	2016-2025	21/NQ-HĐND ngày 26/10/2015; 137/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	3126A/QĐ-UBND 30/10/2015; 3217/QĐ-UBND ngày 30/11/2020; 848/QĐ-UBND ngày 30/3/2022; 782/QĐ-UBND ngày 25/3/2024	137.215	137.215		80.636	51.500	51.500				
2	Trạm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở KH&CN	DK	2019-2025	21/NQ-HĐND ngày 26/10/2015; 138/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	3323/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 3257/QĐ-UBND ngày 07/12/2020; 1261/QĐ-UBND ngày 09/5/2022; 783/QĐ-UBND ngày 25/3/2024	97.586	97.586		44.300	48.300	48.300				
III	Văn hóa thông tin, thể thao										91.816	91.816	0	0		
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025</i>										91.816	91.816	0	0		
1	Xây dựng Cung Văn hóa Thiếu nhi tỉnh Khánh Hòa	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2022-2025	123/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	2016/QĐ-UBND ngày 24/8/2023	544.577	544.577		400.000	80.000	80.000				

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú				
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:			
							Trong đó:								Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ
2	Cải tạo, sửa chữa Nhà thi đấu thể thao 33 Phan Chu Trinh	Sở VHHT	NT	2023-2025	91/NQ-HĐND ngày 07/12/2023	2150/QĐ-UBND ngày 20/8/2024	14.622	14.622		4.700	7.300	7.300						
3	Tu bổ di tích Đình Phong Thạnh	Sở VHHT	Ninh Hòa	2023-2024	148/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	2517/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	2.698	2.698		600	2.050	2.050						
4	Tu bổ di tích Miếu Hội đồng	Sở VHHT	Ninh Hòa	2023-2024	147/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	2516/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	2.899	2.899		650	2.200	2.200						
5	Tôn tạo cảnh quan di tích địa điểm lưu niệm Tàu C235	Sở VHHT	xã Ninh Vân, thị xã Ninh Hòa	2022-2024	53/NQ-HĐND ngày 19/7/2022	1995/QĐ-UBND ngày 22/8/2023	5.453	500	4.953 triệu đồng (Nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trung tâm bảo tồn di tích)		266	266						
IV	Bảo vệ môi trường (trong đó có bảo vệ tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững)										50.000	50.000	0	0				
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025</i>										50.000	50.000	0	0				

STT	Dan h mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT		Vốn TW hỗ trợ
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA							
1	Đập ngăn mặn sông Cái Nha Trang	Ban QLDA Phát triển tỉnh	NT	2018-2024	412/HĐND ngày 13/12/2017	3829/QĐ-UBND ngày 15/12/2017; 782/QĐ-UBND ngày 22/3/2018; 1996/QĐ-UBND ngày 19/7/2022; 3201/QĐ-UBND ngày 22/12/2023; 1550/QĐ-UBND ngày 13/6/2024	759.516	546.733	212.783	596.565	50.000	50.000			
V	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản									11.475	11.475	0	0		
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025</i>									11.475	11.475	0	0		
1	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Bắc Khánh Vĩnh giai đoạn 2021 - 2025	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương	Khánh Vĩnh	2021-2025	46/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	4779/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	9.000	9.000	7.325	1.675	1.675				
2	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Vạn Ninh, Ninh Hòa giai đoạn 2021 - 2025	BQL Rừng phòng hộ Bắc Khánh Hòa	Ninh Hòa, Vạn Ninh	2021-2025	47/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	307/QĐ-UBND ngày 28/01/2022	5.880	5.880	5.400	480	480				
3	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Nam Khánh Vĩnh giai đoạn 2021 - 2025	Công ty TNHH MTV Lâm sản Khánh Hòa	KV	2021-2025	48/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	4972/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; 776/QĐ-UBND ngày 24/3/2022	1.837	1.837	939	898	898				
4	Bảo vệ và phát triển rừng khu Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà giai đoạn 2021 - 2025	BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà	CL, DK, KS, KV	2021-2025	49/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	4953/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	1.659	1.659	1.332	121	121				
5	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Cam Lâm - Cam Ranh - Khánh Sơn giai đoạn 2021 - 2025	BQL Rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa	CL, CR, KS	2021-2025	50/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	308/QĐ-UBND ngày 28/01/2022	10.350	10.350	8.009	1.353	1.353				

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối		Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ
6	Kè chống sạt lở hạ lưu Cầu Sát tại thôn Triệu Hải và Cửa Tùng xã Cam An Bắc, huyện Cam Lâm	BQLDA huyện Cam Lâm	Cam An Bắc	2022-2024	3915/QĐ-UBND ngày 11/11/2020; 2525/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	230/QĐ-UBND ngày 24/01/2022; 927/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	39.493	30.870		29.308	692	692				
7	Hỗ trợ trồng rừng sản xuất huyện Diên Khánh giai đoạn 2021-2025	BQLDA hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất huyện Diên Khánh	Diên Khánh	2021-2025	125/NQ-HĐND ngày 14/9/2021	1330/QĐ-UBND ngày 06/10/2021	420	420		410	10	10				
8	Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất giai đoạn 2021-2025 huyện Khánh Vĩnh	BQL Dự án Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất huyện Khánh Vĩnh giai đoạn 2021 - 2025 (Hạt Kiểm lâm Khánh Vĩnh)	Khánh Vĩnh	2023-2025	76/NQ-HĐND ngày 14/9/2022	1411/QĐ-UBND ngày 29/12/2022; 90/QĐ-UBND ngày 09/02/2023	1.850	1.850		0	69	69				
9	Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất thành phố Nha Trang giai đoạn 2021-2025	BQLDA hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất thành phố Nha Trang - Hạt Kiểm lâm Nha Trang	Nha Trang	2021-2025	135/NQ-HĐND ngày 30/9/2021	3470/QĐ-UBND ngày 07/7/2022	385	385		308	77	77				
10	Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ - Tỉnh Khánh Hòa	Sở NN&PTNT	Cam Lâm	2021-2025	529/QĐ-UBND ngày 05/3/2021; 2997/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	1333/QĐ-UBND ngày 20/5/2021; 498/QĐ-UBND ngày 23/02/2024	66.009	9.260	56.749	22.400	6.100	6.100				
VI	Giao thông									705.764	536.181	169.583	0			
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025									120.389	120.389	0	0			

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú				
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:			
							Trong đó:								Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ
1	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Bình Khiêm - Hà Ra, thành phố Nha Trang (giai đoạn 1)	BQL DADT XD các CT GT	Nha Trang			2641/QĐ-UBND 24/10/2013; 224/QĐ-UBND ngày 24/01/2024	120.830	120.830		90.137	6.000	6.000						
2	Sửa chữa đường ĐT.656 (Tỉnh lộ 9)	Sở GTVT	Khánh Sơn	2024-2025	41/NQ-HĐND ngày 12/7/2024	732/QĐ-SGTVT ngày 04/9/2024	6.559	6.559		4.900	1.459	1.459						
3	Sửa chữa đường ĐT.651D (Tỉnh lộ 7)	Sở GTVT	Ninh Hòa	2024-2025	44/NQ-HĐND ngày 12/7/2024	729/QĐ-SGTVT ngày 04/9/2024	6.146	6.146		4.200	1.364	1.364						
4	Sửa chữa đường ĐT.652D (Tỉnh lộ 1B)	Sở GTVT	Ninh Hòa	2024-2025	43/NQ-HĐND ngày 12/7/2024	730/QĐ-SGTVT ngày 04/9/2024	9.600	9.600		6.500	2.018	2.018						
5	Sửa chữa đường ĐT.652H (Tỉnh lộ 8)	Sở GTVT	Khánh Vĩnh và Ninh Hòa	2024-2025	42/NQ-HĐND ngày 12/7/2024	731/QĐ-SGTVT ngày 04/9/2024	14.813	14.813		10.100	2.248	2.248						
6	Xây dựng Cầu Huyện 2 và đường dẫn	UBND huyện Vạn Ninh	TT Vạn Giã và xã Vạn Thắng	2021-2025	91/NQ-HĐND ngày 08/12/2020; 120/NQ-HĐND ngày 31/10/2024	2415/QĐ-UBND ngày 20/8/2021; 3195/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	175.573	39.300	120.000	130.000	29.300	29.300						
7	Cầu qua sông Cái Ninh Bình - Ninh Phụng	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	N.Bình - N.Xuân	2023-2025	35/NQ-HĐND ngày 16/10/2020	3799/QĐ-CTUBND ngày 20/9/2022; 15767/QĐ-CTUBND ngày 17/11/2023	59.510	42.000		34.000	8.000	8.000						
8	Cầu Mường Quan, xã Diên Phú	Ban QLDA các CTXD huyện Diên Khánh	xã Diên Phú	2021-2024	32/NQ-HĐND ngày 20/7/2020	147/QĐ-UBND ngày 20/8/2021; 268/QĐ-UBND ngày 26/01/2024	61.541	28.000		15.000	13.000	13.000						
9	Xây dựng mới cầu trên đường D6 (ngã 3 Kim Đồng - Lạc Long Quân)	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Khánh Sơn	thị trấn Tô Hạp, Khánh Sơn	2024-2025	03/NQ-HĐND ngày 02/6/2020; 12/NQ-HĐND ngày 21/3/2024	1115/QĐ-UBND ngày 12/6/2024	79.000	64.000		7.000	57.000	57.000						

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	
							Trong đó:								
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA							
<i>b</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025</i>									585.375	415.792	169.583	0		
1	Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ sân bay Cam Ranh đến cầu Long Hồ	BQL DAĐT XD các CT GT	Cam Ranh	2021-2024	55/NQ-HBND ngày 29/9/2020	426/QĐ-UBND ngày 07/02/2024	99.943	99.943		47.323	17.677	17.677			
2	Cầu qua sông Kim Bông	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2021-2025	13/NQ-HBND ngày 09/7/2019	2955/QĐ-UBND ngày 30/10/2020; 3414/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	131.731	131.731		39.917	30.000	30.000	0		
3	Xây dựng mới thay thế 03 cầu: Thác Ngựa, Sông Giang, Sông Chò trên tuyến Tỉnh lộ 8B, huyện Khánh Vĩnh	BQL DAĐT XD các CT GT	Khánh Vĩnh	2023-2025	28/NQ-HBND ngày 21/7/2023	1767/QĐ-UBND ngày 04/7/2024	292.941	292.941		23.500	150.000	150.000			
4	Dự án thành phần 1 thuộc Dự án xây dựng Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh	BQL DAĐT XD các CT GT	Diên Khánh, Nha Trang	2023-2027	06/NQ-HBND ngày 30/3/2023	1984/QĐ-UBND ngày 30/7/2024	1.316.374	916.374	400.000	186.885	218.115	218.115			
5	Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ tái định cư thuộc Dự án đường giao thông từ QL 27C đến đường tỉnh ĐT.656 tỉnh Khánh Hoà - kết nối với tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Ninh Thuận	BQL DAĐT XD các CT GT	huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh	2024-2025	92/2023/QH15 ngày 20/6/2023	1864/QĐ-UBND ngày 16/7/2024	120.399	120.399		21.000	89.583		89.583		

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú				
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:			
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA							Vốn XD CB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XS KT	Vốn TW hỗ trợ
6	Dự án thành phần 2: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua địa bàn huyện Vạn Ninh phục vụ dự án Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa	UBND huyện Vạn Ninh	Vạn Ninh	2024-2025	94/NQ-HĐND ngày 07/12/2023; 628/HĐND-VP ngày 08/11/2024	2963/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	230.356	230.356		0	80.000		80.000					
VII	Hạ tầng khu, cụm công nghiệp và khu kinh tế										52.388	0	52.388	0				
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025										2.388	0	2.388	0				
1	Bồi thường, hỗ trợ tái định cư khu vực mở rộng dải cây xanh cách ly thuộc Cụm công nghiệp Đặc Lộc	UBND TP Nha Trang	Nha Trang			3928/QĐ-UBND ngày 17/12/2018; 2309/QĐ-UBND ngày 11/8/2024	26.460	26.460			2.388		2.388					
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025										50.000	0	50.000	0				
1	Nâng cấp, mở rộng Cải tuyến Tỉnh lộ 1B (đoạn từ nút giao Quốc lộ 26B đến nút giao Tỉnh lộ 1)	BQL KKT Vạn Phong	Ninh Hòa	2023-2026	70/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	223/QĐ-KKT ngày 24/7/2024	538.591	538.591		92.034	50.000		50.000					
VIII	Công nghệ thông tin										46.028	46.028	0	0				
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025										46.028	46.028	0	0				
1	Xây dựng Trung tâm giám sát điều hành thông minh tỉnh Khánh Hòa (giai đoạn 1)	Sở TTTT	Nha Trang	2022-2024	91/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	185/QĐ-UBND ngày 22/01/2024	55.027	55.027		20.000	35.000	35.000						

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025					Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT		Vốn TW hỗ trợ
2	Xây dựng Hệ thống thông tin lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy	Văn phòng Tỉnh ủy	Nha Trang	2023-2025	45/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	1969/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	22.955	22.955		10.972	11.028	11.028				
IX	Xã hội									13.000	13.000	0	0			
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025</i>									13.000	13.000	0	0			
1	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị Trung tâm Bảo trợ xã hội Khánh Hòa	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2022-2025	117/NQ-HĐND ngày 19/10/2021	3419/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	59.712	59.712		31.600	8.000	8.000				
2	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp mở rộng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Khánh Hòa	Sở LĐ	Khánh Vĩnh	2021-2024	33/NQ-HĐND ngày 21/7/2020	690/QĐ-UBND ngày 22/3/2021	59.941	59.941		54.000	5.000	5.000				
X	Quản lý nhà nước									205.500	205.500	0	0	0		
a	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025</i>									200.000	200.000	0	0			
1	Xây dựng trụ sở làm việc Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2023-2025	17/NQ-HĐND ngày 02/6/2023	2995/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	544.662	543.110		226.751	200.000	200.000				
b	<i>Dự án khởi công mới năm 2025</i>									5.500	5.500	0	0	0		
1	Sửa chữa hệ thống phòng cháy và chữa cháy trụ sở làm việc Thanh tra tỉnh	Thanh tra tỉnh	Nha Trang	2024-2025	83/NQ-HĐND ngày 13/9/2024	3044/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	5.500	5.500		5.500	5.500					

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	
							Trong đó:								
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA							
XI	Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội									229.980	229.980	0	0		
(1)	Công an tỉnh									212.040	212.040	0	0		
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025</i>									212.040	212.040	0	0		
1	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Cam Bình, thành phố Cam Ranh	CA tỉnh	xã Cam Bình	2022-2024	103/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	384/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	5.474	5.474		2.982	2.468	2.468			
2	Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Ninh Sim, thị xã Ninh Hòa	CA tỉnh	xã Ninh Sim	2022-2024	99/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	514/QĐ-UBND ngày 27/02/2024	5.385	5.385		2.648	2.702	2.702			
3	Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Ninh Vân, thị xã Ninh Hòa	CA tỉnh	xã Ninh Vân	2022-2024	102/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	521/QĐ-UBND ngày 27/02/2024	5.183	5.183		1.612	3.488	3.488			
4	Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Ninh Tây, thị xã Ninh Hòa	CA tỉnh	xã Ninh Tây	2022-2024	101/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	513/QĐ-UBND ngày 27/02/2024	5.485	5.485		3.233	2.198	2.198			
5	Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Ninh An, thị xã Ninh Hòa	CA tỉnh	xã Ninh An	2022-2024	95/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	893/QĐ-UBND ngày 03/4/2024	5.627	5.627		1.503	4.097	4.097			
6	Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Khánh Phú, huyện Khánh Vĩnh	CA tỉnh	xã Khánh Phú	2022-2024	114/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	382/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	5.021	5.021		2.692	2.308	2.308			
7	Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Khánh Hiệp, huyện Khánh Vĩnh	CA tỉnh	xã Khánh Hiệp	2022-2024	115/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	381/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	5.071	5.071		3.099	1.951	1.951			

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối		Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ
							Trong đó:									
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA								
8	Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Khánh Thượng, huyện Khánh Vĩnh	CA tỉnh	xã Khánh Thượng	2022-2024	112/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	383/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	5.726	5.726	1.629	4.071	4.071					
9	Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Khánh Đông, huyện Khánh Vĩnh	Công an tỉnh	xã Khánh Đông	2022-2024	116/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	380/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	4.939	4.939	2.628	2.272	2.272					
10	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Diên Sơn, huyện Diên Khánh	Công an tỉnh	xã Diên Sơn, huyện Diên Khánh	2023-2025	52/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	1960/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	6.235	6.235	1.500	4.600	4.600					
11	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Suối Tiên, huyện Diên Khánh	Công an tỉnh	xã Suối Tiên, huyện Diên Khánh	2023-2025	51/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	1961/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	6.066	6.066	1.500	4.500	4.500					
12	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Diên Hòa, huyện Diên Khánh	Công an tỉnh	xã Diên Hòa, huyện Diên Khánh	2023-2025	53/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	1962/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	5.991	5.991	1.500	4.400	4.400					
13	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Sơn Lâm, huyện Khánh Sơn	Công an tỉnh	xã Sơn Lâm, huyện Khánh Sơn	2023-2025	57/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	1963/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	5.316	5.316	1.500	3.800	3.800					
14	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Sơn Bình, huyện Khánh Sơn	Công an tỉnh	xã Sơn Bình, huyện Khánh Sơn	2023-2025	59/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	1965/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	5.283	5.283	1.500	3.700	3.700					
15	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Thành Sơn, huyện Khánh Sơn	Công an tỉnh	xã Thành Sơn, huyện Khánh Sơn	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	2614/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	6.382	6.382	1.700	4.600	4.600					

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT		Vốn TW hỗ trợ
							Trong đó:								
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA							
16	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa	Công an tỉnh	xã Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa	2023-2025	54/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	2613/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	6.519	6.519	1.500	5.000	5.000				
17	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Ninh Quang, thị xã Ninh Hòa	Công an tỉnh	xã Ninh Quang, thị xã Ninh Hòa	2023-2025	55/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	1964/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	6.616	6.616	1.500	5.100	5.100				
18	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Đại Lãnh, huyện Vạn Ninh	Công an tỉnh	xã Đại Lãnh, huyện Vạn Ninh	2023-2025	66/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	2719/QĐ-UBND ngày 17/10/2024	5.873	5.873	1.600	4.200	4.200				
19	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Vạn Bình, huyện Vạn Ninh	Công an tỉnh	xã Vạn Bình, huyện Vạn Ninh	2023-2025	63/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	2717/QĐ-UBND ngày 17/10/2024	6.258	6.258	1.600	4.600	4.600				
20	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Xuân Sơn, huyện Vạn Ninh	Công an tỉnh	xã Xuân Sơn, huyện Vạn Ninh	2023-2025	65/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	1959/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	6.179	6.179	1.500	4.600	4.600				
21	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh	Công an tỉnh	xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh	2023-2025	62/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	2615/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	6.298	6.298	1.700	4.500	4.500				
22	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Vạn Long, huyện Vạn Ninh	Công an tỉnh	xã Vạn Long, huyện Vạn Ninh	2023-2025	64/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	2612/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	6.333	6.333	1.600	4.600	4.600				
23	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh	Công an tỉnh	xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh	2023-2025	60/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	2718/QĐ-UBND ngày 17/10/2024	6.111	6.111	1.600	4.400	4.400				

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú				
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:			
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA							Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ
24	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh	Công an tỉnh	xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh	2023-2025	61/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	2607/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	6.700	6.700		1.600	5.100	5.100						
25	Đường Quốc lộ 1A đi cầu Bến Miếu - đoạn Quốc lộ đến Tiểu đoàn 2-E23	CA tỉnh	Nha Trang	2016-2024	33/NQ-HĐND ngày 09/12/2015; 129/NQ-HĐND ngày 14/12/2023; 29/NQ-HĐND ngày 11/6/2024	3115/QĐ-UBND 30/10/2015; 2785/QĐ-UBND 15/10/2020; 2270/QĐ-UBND ngày 06/8/2021; 3696/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	109.058	88.785	20.273	40.273	68.785	68.785						
26	Nhà khách Công an tỉnh	CA tỉnh	Nha Trang	2023-2025	6285/QĐ-BCA-H01 ngày 15/7/2020; 9452/QĐ-BCA-H01 ngày 19/12/2022; 1092/QĐ-BCA-H01 ngày 27/02/2024	9454/QĐ-BCA-H02 ngày 19/12/2022	293.000	50.000		0	50.000	50.000						
(2)	BCHQS tỉnh										5.000	5.000	0	0				
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025</i>										5.000	5.000	0	0				
1	Nhà làm việc Sở chỉ huy Tiểu khu Quân sự tỉnh Stungtreng/Campuchia	BCHQS tỉnh	tỉnh Stung Treng/Campuchia	2023-2025	84/NQ-HĐND ngày 07/12/2023	1306/QĐ-UBND ngày 17/5/2024	14.912	14.912		9.000	5.000	5.000						
(3)	Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh										12.940	12.940	0	0				
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025</i>										12.940	12.940	0	0				

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT		Vốn TW hỗ trợ
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA							
1	Đóng mới Xuồng tuần tra Đồn biên phòng Đầm Môn (PH358)	BCH BĐBP tỉnh	Vạn Ninh	2022-2024	39/NQ-HĐND ngày 14/4/2021; 12/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	2053/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	13.500	13.500	560	12.940	12.940				
XII	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư									84.925	0	84.925	0		
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025									38.900	0	38.900	0		
1	Khu tái định cư tại xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang	Ban QLDA ĐTXD CCT NN&PTNT	Nha Trang	2017-2024	338/NQ-HĐND 27/10/2017	3241/QĐ-UBND 30/10/2017; 1478/QĐ-UBND ngày 24/6/2020; 4063/QĐ-UBND ngày 10/11/2021; 3336/QĐ-UBND ngày 05/12/2022; 3048/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	90.343	90.343	69.394	20.000		20.000			
2	Cơ sở hạ tầng Khu tái định cư TDP Phú Thọ 2, phường Ninh Diêm, thị xã Ninh Hòa	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Phường Ninh Diêm, Ninh Hòa	2024-2026	10/NQ-HĐND ngày 16/5/2024	15822/QĐ-CTUBND ngày 28/8/2024	21.309	21.309	2.100	18.900		18.900			
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025									46.025	0	46.025	0		
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Vĩnh Trung - Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang	UBND TP Nha Trang	xã Vĩnh Trung, Vĩnh Thái, Nha Trang	2021-2025	94/NQ-HĐND ngày 08/12/2020; 88/NQ-HĐND ngày 28/7/2021	1868/QĐ-UBND ngày 08/8/2023; 2603/QĐ-UBND ngày 31/10/2023	197.565	197.565	30.800	19.200		19.200			

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT		Vốn TW hỗ trợ
							Trong đó:								
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA							
2	Cơ sở hạ tầng khu tái định cư Ngọc Hiệp	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2016-2026	03/NQ-HĐND 31/3/2016	2273/QĐ-UBND 5/8/2016; 3467/QĐ-UBND 13/11/2018; 1480/QĐ-UBND ngày 24/6/2020; 4301/QĐ-UBND ngày 26/11/2021; 3439/QĐ-UBND ngày 14/12/2022; 1653/QĐ-UBND ngày 18/7/2023	161.748	161.748	102.341	26.825		26.825			
XIII	Lập quy hoạch tỉnh, các chính sách đầu tư công khác theo quy định								1.024.793	424.162	283.000	169.500	148.131		
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025			2021-2025	62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022; 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023; 39/NQ-HĐND ngày 12/7/2024				438.301	169.500		169.500		Chi tiết theo Phụ lục 2	
2	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa			2021-2025	61/NQ-HĐND ngày 22/8/2022; 26/NQ-HĐND ngày 21/7/2023				259.210	93.411	15.045		78.366	Chi tiết theo Phụ lục 3	
3	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025			2021-2025	32/NQ-HĐND ngày 30/6/2022; 20/NQ-HĐND ngày 02/6/2023; 05/NQ-HĐND ngày 28/3/2024				482.288	90.924	21.159		69.765	Chi tiết theo Phụ lục 4	

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	
							Trong đó:								
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA							
4	Trả nợ quyết toán								49.238	14.798	14.798				
5	Hỗ trợ cấp bù lãi suất đối với các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng				11/2021/NQ-HĐND ngày 19/10/2021				51.438	14.092	14.092				
6	Vốn ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh								149.000	88.900	88.900				
7	Đồ án quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu vực núi Chín Khúc	Sở Xây dựng	Nha Trang và Diên Khánh		191/QĐ-SXD ngày 12/9/2024	2.800	2.800		109	2.691	2.691				
8	Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Khánh Hòa đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065	Sở Xây dựng			2619/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	1.477	1.477			1.477	1.477				
9	Trích 10% cho ngân sách cấp huyện nơi có phát sinh nguồn thu tiền sử dụng đất									141.500	141.500				
10	Bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất của tỉnh Khánh Hòa									407.500	266.000	141.500			
XIV	Đề án tổng thể giảm nghèo của 2 huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh giai đoạn 2021-2025			2021-2025	3349/QĐ-UBND ngày 05/12/2022; 3350/QĐ-UBND ngày 05/12/2022					342.700	342.700	0	0	0	
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025</i>									342.700	342.700	0	0	0	
1	Kè chống sạt lở hai bên bờ sông Tô Hạp, đoạn qua xã Sơn Bình, Sơn Lâm, Thành Sơn	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	xã Sơn Bình, Sơn Lâm, Thành Sơn, Khánh Sơn	2024-2025	02/NQ-HĐND ngày 27/02/2024	914/QĐ-UBND ngày 24/3/2024	90.000	90.000		25.000	56.000	56.000			

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối		Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ
							Trong đó:									
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA								
2	Kè chống sạt lở bờ sông Tô Hạp đoạn qua xã Sơn Hiệp và Sơn Bình	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	xã Sơn Hiệp và Sơn Bình, Khánh Sơn	2024-2025	03/NQ-HĐND ngày 27/02/2024	915/QĐ-UBND ngày 24/5/2024	60.000	60.000	18.000	38.000	38.000					
3	Hệ thống nước sinh hoạt xã Sơn Trung	Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Khánh Sơn	Xã Sơn Trung, huyện Khánh Sơn	2024-2025	05/NQ-HĐND ngày 27/02/2024	1179/QĐ-UBND ngày 19/6/2024	10.000	10.000	3.800	6.200	6.200					
4	Xây dựng Cầu Tà Lương	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Khánh Sơn	thị trấn Tô Hạp, Khánh Sơn	2024-2025	06/NQ-HĐND ngày 27/02/2024	1038/QĐ-UBND ngày 31/5/2024	25.000	25.000	12.000	10.000	10.000					
5	Hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Tà Mơ, xã Khánh Thành	Ban QLDA các CTXD huyện Khánh Vĩnh	Xã Khánh Thành	2024-2025	03/NQ-HĐND ngày 07/3/2024	468/QĐ-UBND ngày 23/4/2024	9.547	9.547	4.000	5.500	5.500					
6	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư xã Cầu Bà	Ban QLDA các CTXD huyện Khánh Vĩnh	Xã Cầu Bà	2024-2025	05/NQ-HĐND ngày 07/3/2024	901/QĐ-UBND ngày 08/7/2024	115.975	115.975	2.100	88.000	88.000					
7	Kè bờ tả thị trấn Khánh Vĩnh (đoạn từ Cầu Sông Khế, tính lộ 2 đến cầu Hoàng Quốc Việt)	Ban QLDA các CTXD huyện Khánh Vĩnh	Thị trấn Khánh Vĩnh	2024-2025	06/NQ-HĐND ngày 07/3/2024	454/QĐ-UBND ngày 19/4/2024	37.525	37.525	5.500	28.000	28.000					
8	Kè bảo vệ khu dân cư dọc sông Cầu xã Sông Cầu huyện Khánh Vĩnh	Ban QLDA các CTXD huyện Khánh Vĩnh	Xã Sông Cầu	2024-2025	04/NQ-HĐND ngày 07/3/2024	486/QĐ-UBND ngày 26/4/2024	42.000	42.000	9.000	30.000	30.000					
9	Đập dâng Tô Hạp 1	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	thị trấn Tô Hạp, Khánh Sơn	2023-2025	34/NQ-HĐND ngày 09/10/2023	3663/QĐ-UBND ngày 01/12/2023	50.000	50.000	25.300	20.700	20.700					
10	Trường THCS Tô Hạp	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	Thị trấn Tô Hạp	2024-2025	35/NQ-HĐND ngày 09/10/2023	4468/QĐ-UBND ngày 29/10/2024	30.000	30.000	1.200	26.000	26.000					
11	Trường tiểu học Thị trấn Tô Hạp (điểm trường chính)	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	Thị trấn Tô hạp	2024-2025	36/NQ-HĐND ngày 09/10/2023	1507/QĐ-UBND ngày 05/7/2024	15.000	15.000	4.500	10.000	10.000					

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025					Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ		
							Trong đó:									
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA								
12	Kè chống sạt lở từ thôn Tà Nĩa đến đập Dầu Bò Thượng, xã Sơn Trung	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	Xã Sơn Trung	2024-2025	04/NQ-HĐND ngày 27/02/2024	3963/QĐ-UBND ngày 25/9/2024	30.000	30.000		2.000	24.300	24.300				
XV	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện										267.831	267.831	0	0	0	
1	Thị xã Ninh Hòa										134.027	134.027				Chi tiết tại phần Ghi chú (**)
2	Huyện Cam Lâm										18.650	18.650				Chi tiết tại phần Ghi chú (*)
3	Thành phố Cam Ranh										81.334	81.334				Chi tiết tại phần Ghi chú (*)
4	Huyện Vạn Ninh										10.520	10.520				Chi tiết tại phần Ghi chú (*)
5	Thành phố Nha Trang										12.600	12.600				Chi tiết tại phần Ghi chú (*)
6	Huyện Khánh Vĩnh										10.700	10.700				Chi tiết tại phần Ghi chú (*)
XVI	Chưa phân bổ										1.042.070	216.966	825.104			
B	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN QUẢN LÝ (đầu tư theo các ngành, lĩnh vực, chương trình)									0	1.052.853	467.853	585.000			
I	Nguồn XDCB tập trung										467.853	467.853				

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT		Vốn TW hỗ trợ
							Trong đó:								
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA							
1	Thành phố Nha Trang								78.189	78.189				Cấp huyện thực hiện trích 10% nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung năm 2025 để bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất của tỉnh Khánh Hòa	
2	Thành phố Cam Ranh							52.644	52.644						
3	Huyện Cam Lâm							49.200	49.200						
4	Huyện Diên Khánh							64.452	64.452						
5	Thị xã Ninh Hoà							71.832	71.832						
6	Huyện Vạn Ninh							55.104	55.104						
7	Huyện Khánh Vĩnh							55.596	55.596						
8	Huyện Khánh Sơn							40.836	40.836						
II	Nguồn CQSD Đất								585.000	585.000					
1	Thành phố Nha Trang								219.000		219.000			Cấp huyện thực hiện trích 10% nguồn thu sử dụng đất năm 2025 để bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất của tỉnh Khánh Hòa	
2	Thành phố Cam Ranh								210.000		210.000				
3	Huyện Cam Lâm								3.000		3.000				
4	Huyện Diên Khánh								27.000		27.000				
5	Thị xã Ninh Hoà								57.000		57.000				
6	Huyện Vạn Ninh								48.000		48.000				
7	Huyện Khánh Vĩnh								18.000		18.000				
8	Huyện Khánh Sơn								3.000		3.000				

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT		Vốn TW hỗ trợ
							Trong đó:								
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA							

Ghi chú: (*) Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện năm 2025:

(1) Bổ sung có mục tiêu cho thị xã Ninh Hòa là 134,027 tỷ đồng, bao gồm:

- Bổ sung có mục tiêu theo văn bản số 12392/UBND-KT ngày 01/11/2024 của UBND tỉnh (Tờ trình số 4424/TTr-UBND ngày 10/10/2024 của UBND TX Ninh Hòa) và văn bản số 12488/UBND-KT ngày 04/11/2024 của UBND tỉnh (Tờ trình số 4310/TTr-UBND ngày 02/10/2024 của UBND TX Ninh Hòa) là 35,72 tỷ đồng.

- Bổ sung có mục tiêu theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28/3/2024 của HĐND tỉnh là 43 tỷ đồng (Cầu Đá Bàn, xã Ninh Sơn, thị xã Ninh Hoà).

- Bổ sung có mục tiêu theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 11/6/2024 của HĐND tỉnh là 49 tỷ đồng (Kè chống sạt lở sông Lốt, xã Ninh Đông (đoạn từ bờ sông thôn Phước Thuận đến thôn Quang Đông)).

- Bổ sung có mục tiêu theo Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh là 6,307 tỷ đồng (Mở rộng, nâng cấp đường Vạn Thuận, đoạn từ Quốc lộ 1A đến ngã ba Ba Hồ (Đoạn từ nhà ông Châu đến ngã ba Ba Hồ); Xây dựng Hội trường UBND xã Ninh Quang).

(2) Bổ sung có mục tiêu cho huyện Cam Lâm theo văn bản số 12393/UBND-KT ngày 01/11/2024 của UBND tỉnh (Tờ trình số 268/TTr-UBND ngày 09/10/2024 của UBND huyện Cam Lâm) là 18,65 tỷ đồng.

(3) Bổ sung có mục tiêu cho thành phố Cam Ranh là 81,334 tỷ đồng, bao gồm:

- Bổ sung có mục tiêu theo văn bản số 11640/UBND-KT ngày 16/10/2024 của UBND tỉnh (Tờ trình số 315/TTr-UBND ngày 12/9/2024 của UBND TP Cam Ranh) là 7 tỷ đồng.

- Bổ sung có mục tiêu theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 11/6/2024 của HĐND tỉnh là 64,934 tỷ đồng (Trường TH - THCS Cam Lập, hạng mục: Xây mới 12 phòng học và các hạng mục phụ trợ (điểm Bãi Ngang); Trường Tiểu học Cam Phước Đông 1, hạng mục: Xây mới 02 phòng học (điểm chính); Xây mới 04 phòng học và hạng mục phụ trợ hạ tầng kỹ thuật (điểm Xóm Mới); Trường TH-THCS Cam Thành Nam, hạng mục: Xây mới nhà đa năng, 04 phòng học bộ môn, thư viện trường và nâng cấp sân đường nội bộ; Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ Cầu Nước Ngọt đến thôn Bình Lập, xã Cam Lập, thành phố Cam Ranh; Kè suối Ông Cào, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh).

- Bổ sung có mục tiêu theo Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 là 9,4 tỷ đồng (Cải tạo, sửa chữa Trường Mầm non Cam Thuận (điểm Thuận Hải); Sửa chữa, cải tạo dãy phòng học Trường Tiểu học Cam Thuận; Sửa chữa, cải tạo Nhà đa năng Trường Tiểu học Cam Nghĩa 1; Cải tạo, sửa chữa Nhà vệ sinh học sinh và tường rào (điểm Hưng Long) và nhà vệ sinh học sinh (điểm Khánh Cam) Trường Tiểu học Ba Ngòi; Xây dựng tường rào Trường THCS Nguyễn Khuyến; Sửa chữa và nâng cấp tường rào Trường THCS Trần Phú; Sửa chữa, cải tạo Nhà hành chính Trường TH&THCS Cam Phúc Nam).

(4) Bổ sung có mục tiêu cho huyện Vạn Ninh theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 11/6/2024 của HĐND tỉnh là 10,52 tỷ đồng (Hỗ trợ mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học và THCS huyện Vạn Ninh (lớp 3-7)).

(5) Bổ sung có mục tiêu cho thành phố Nha Trang theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 11/6/2024 của HĐND tỉnh là 12,6 tỷ đồng (Hỗ trợ mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học và THCS thành phố Nha Trang).

(6) Bổ sung có mục tiêu cho huyện Khánh Vĩnh theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 11/6/2024 của HĐND tỉnh là 10,7 tỷ đồng (Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 3, lớp 7 thực hiện đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 huyện Khánh Vĩnh).

PHỤ LỤC 2

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn NS tính bố trí giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn NS tính bố trí đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn NS tính bố trí năm 2025 (Nguồn số kế thiết)	Ghi chú	
					Số Quyết định: ngày, tháng, năm	TMDT					
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)					Trong đó: Vốn NS tỉnh
	TỔNG SỐ								169.500		
A	PHÂN BỐ ĐỢT 1					172.387	121.916	121.916	36.843	85.073	
I	Huyện Vạn Ninh					19.999	14.000	14.000	0	14.000	
	<i>Hỗ trợ huyện đạt chuẩn huyện NTM</i>					<i>19.999</i>	<i>14.000</i>	<i>14.000</i>	<i>0</i>	<i>14.000</i>	
1	Chợ Trung tâm huyện Vạn Ninh	Phòng Kinh tế huyện Vạn Ninh	Xã Vạn Thắng	2024-2025	1695/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	19.999	14.000	14.000	0	14.000	
II	Thị xã Ninh Hòa					88.220	61.753	61.753	34.518	27.235	
<i>a</i>	<i>Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao</i>					<i>6.211</i>	<i>4.346</i>	<i>4.346</i>	<i>0</i>	<i>4.346</i>	
(1)	Xã Ninh Thọ					4.814	3.368	3.368	0	3.368	
1	Đường Xuân Mỹ 2, đoạn từ nhà ông Rơi đến xóm bà Dũng	UBND xã Ninh Thọ	Xã Ninh Thọ	2025	1332/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	1.489	1.042	1.042	0	1.042	
2	Đường Lạc An đi Ninh Điền, đoạn từ công đến khu Mũi Dùi	UBND xã Ninh Thọ	Xã Ninh Thọ	2025	1330/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	981	686	686	0	686	
3	Mương đồng Vui	UBND xã Ninh Thọ	Xã Ninh Thọ	2025	1334/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	1.152	806	806	0	806	
4	Mương N3-7A	UBND xã Ninh Thọ	Xã Ninh Thọ	2025	1335/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	1.192	834	834	0	834	
(2)	Xã Ninh Lộc					1.397	978	978	0	978	
1	Kiên cố hóa kênh mương Bong đoạn cuối	UBND xã Ninh Lộc	Xã Ninh Lộc	2025	142/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	1.397	978	978	0	978	
<i>b</i>	<i>Hỗ trợ nâng cao chất lượng tiêu chí</i>					<i>82.009</i>	<i>57.407</i>	<i>57.407</i>	<i>34.518</i>	<i>22.889</i>	
(1)	Xã Ninh Quang					11.969	8.378	8.378	6.000	2.378	
1	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Quang	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Xã Ninh Quang	2024-2025	2965/QĐ-CTUBND ngày 05/7/2024; 8846/QĐ-CTUBND ngày 15/8/2024	8.587	6.011	6.011	4.300	1.711	
2	Xây dựng Trường THCS Quang Trung	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Xã Ninh Quang	2024-2025	2964/QĐ-CTUBND ngày 05/7/2024 và 10804/QĐ-CTUBND ngày 19/8/2024	3.382	2.367	2.367	1.700	667	
(2)	Xã Ninh Sơn					11.790	8.254	8.254	5.400	2.854	
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Sơn	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Xã Ninh Sơn	2024-2025	2955/QĐ-CTUBND ngày 05/7/2024 và 8839/QĐ-CTUBND ngày 15/8/2024	2.815	1.971	1.971	1.400	571	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Sơn	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Xã Ninh Sơn	2024-2025	2956/QĐ-CTUBND ngày 05/7/2024 và 8847/QĐ-CTUBND ngày 15/8/2024	4.928	3.450	3.450	2.000	1.450	
3	Xây dựng Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Xã Ninh Sơn	2024-2025	2854/QĐ-CTUBND ngày 01/7/2024 và 8844/QĐ-CTUBND ngày 15/8/2024	4.047	2.833	2.833	2.000	833	
(3)	Xã Ninh Tân					27.913	19.539	19.539	10.118	9.421	
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Tân	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Xã Ninh Tân	2024-2025	2966/QĐ-CTUBND ngày 05/7/2024 và 8840/QĐ-CTUBND ngày 15/8/2024	7.893	5.525	5.525	3.118	2.407	
2	Xây dựng Trường TH&THCS Ninh Tân	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Xã Ninh Tân	2024-2025	2967/QĐ-CTUBND ngày 05/7/2024 và 8849/QĐ-CTUBND ngày 15/8/2024	20.020	14.014	14.014	7.000	7.014	
(4)	Xã Ninh Thân					23.909	16.736	16.736	10.000	6.736	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NS tỉnh bố trí giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn NS tỉnh bố trí đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn NS tỉnh bố trí năm 2025 (Nguồn số kiến thiết)	Ghi chú
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT					
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS tỉnh				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Thân	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Xã Ninh Thân	2024-2025	2968/QĐ-CTUBND ngày 05/7/2024 và 8842/QĐ-CTUBND ngày 15/8/2024	8.342	5.839	5.839	4.000	1.839	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Thân	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Xã Ninh Thân	2024-2025	2931/QĐ-CTUBND ngày 04/7/2024 và 8848/QĐ-CTUBND ngày 15/8/2024	7.182	5.027	5.027	3.000	2.027	
3	Xây dựng Trường THCS Phạm Hồng Thái	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Xã Ninh Thân	2024-2025	2957/QĐ-CTUBND ngày 05/7/2024 và 8850/QĐ-CTUBND ngày 15/8/2024	8.385	5.870	5.870	3.000	2.870	
(5)	Xã Ninh Thượng					6.428	4.500	4.500	3.000	1.500	
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Thượng (Hạng mục: Phòng học, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Xã Ninh Thượng	2024-2025	2961/QĐ-CTUBND ngày 05/7/2024 và 8843/QĐ-CTUBND ngày 15/8/2024	6.428	4.500	4.500	3.000	1.500	
III Huyện Diên Khánh						2.999	2.099	2.099	0	2.099	
1	Điện chiếu sáng đường Diên Phú--Diên Điền-Diên Sơn (Đoạn: Quốc lộ 1A đến đình Đại Điện Nam).	Phòng Quản lý Đô thị Diên Khánh	Xã Diên Phú, Diên Điền, Diên Sơn	2025	270/QĐ-UBND ngày 27/11/2024	2.999	2.099	2.099	0	2.099	
IV Huyện Cam Lâm						24.138	16.897	16.897	2.325	14.572	
<i>a Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao</i>						<i>17.638</i>	<i>12.347</i>	<i>12.347</i>	<i>0</i>	<i>12.347</i>	
(1)	Xã Suối Cát					3.300	2.310	2.310	0	2.310	
1	Xây 01 phòng học ngoại ngữ tại trường Khánh Hòa Jeju	Ban QLDA huyện Cam Lâm	Xã Suối Cát	2024-2025	916/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	1.300	910	910	0	910	
2	Sửa chữa phòng học, trang bị thiết bị dạy học Trường Tiểu học Suối Cát	Ban QLDA huyện Cam Lâm	Xã Suối Cát	2024-2025	915/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	2.000	1.400	1.400	0	1.400	
(2)	Xã Cam Hiệp Nam					4.188	2.932	2.932	0	2.932	
1	Đường từ nhà bà Nguyễn Thị Kim Hồng đến nhà bà Nguyễn Thị Lan, thôn Vĩnh Thái (đường thôn)	Ban QLDA huyện Cam Lâm	Xã Cam Hiệp Nam	2025	869/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	1.188	832	832	0	832	
2	Trường tiểu học Cam Hiệp Nam	Ban QLDA huyện Cam Lâm	Xã Cam Hiệp Nam	2024-2025	917/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	3.000	2.100	2.100	0	2.100	
(3)	Xã Cam Hòa					10.150	7.105	7.105	0	7.105	
1	Trường tiểu học Cam Hòa 1	Ban QLDA huyện Cam Lâm	Xã Cam Hòa	2024-2025	918/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	10.150	7.105	7.105	0	7.105	
<i>b Hỗ trợ xã nhằm nâng cao chất lượng tiêu chí</i>						<i>6.500</i>	<i>4.550</i>	<i>4.550</i>	<i>2.325</i>	<i>2.225</i>	
(1)	Xã Cam Tân					6.500	4.550	4.550	2.325	2.225	
1	Trường Tiểu học Cam Tân	Ban QLDA huyện Cam Lâm	Xã Cam Tân	2024-2025	674/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	6.500	4.550	4.550	2.325	2.225	
V Thành phố Cam Ranh						2.000	1.400	1.400	0	1.400	
<i>Hỗ trợ nhằm nâng cao chất lượng tiêu chí</i>						<i>2.000</i>	<i>1.400</i>	<i>1.400</i>	<i>0</i>	<i>1.400</i>	
(1)	Xã Cam Thịnh Đông					2.000	1.400	1.400	0	1.400	
1	Nâng cấp, sửa chữa kênh Ruộng Bầu Mỹ Thanh	UBND xã Cam Thịnh Đông	Xã Cam Thịnh Đông	2025	573/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	2.000	1.400	1.400	0	1.400	
VI Huyện Khánh Vĩnh						17.531	8.267	8.267	0	8.267	
<i>a Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới</i>						<i>7.000</i>	<i>2.100</i>	<i>2.100</i>	<i>0</i>	<i>2.100</i>	
(1)	Xã Khánh Đông					3.500	1.050	1.050	0	1.050	
1	Xây dựng nhà Văn hóa khu trung tâm thể thao xã Khánh Đông	UBND xã Khánh Đông	Xã Khánh Đông	2025	133/QĐ-UBND ngày 04/10/2024	3.500	1.050	1.050	0	1.050	
(2)	Xã Khánh Bình					3.500	1.050	1.050	0	1.050	
1	Xây dựng nhà Văn hóa khu trung tâm thể thao xã Khánh Bình	UBND xã Khánh Bình	Xã Khánh Bình	2025	218/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	3.500	1.050	1.050	0	1.050	
<i>b Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao</i>						<i>6.583</i>	<i>3.404</i>	<i>3.404</i>	<i>0</i>	<i>3.404</i>	
(1)	Xã Sông Cầu					6.583	3.404	3.404	0	3.404	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn NS tỉnh bố trí giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn NS tỉnh bố trí đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn NS tỉnh bố trí năm 2025 (Nguồn số kế kiến thiết)	Ghi chú	
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT					
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)					Trong đó: Vốn NS tỉnh
1	Nâng cấp đường từ tỉnh lộ 02 (đoạn nhà ông Nguyễn Thành Long đến QL27C)	UBND xã Sông Cầu	Xã Sông Cầu	2025	173/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	3.583	2.504	2.504	0	2.504	
2	Nâng cấp sân vận động xã	UBND xã Sông Cầu	Xã Sông Cầu	2025	174/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	3.000	900	900	0	900	
c	<i>Hỗ trợ nhằm không còn xã dưới 15 tiêu chí</i>					3.948	2.763	2.763	0	2.763	
(1)	Xã Khánh Phú					3.948	2.763	2.763	0	2.763	
1	Bê tông hóa đường Nhà văn hóa Giang Mương đi Cao Lương	UBND xã Khánh Phú	Xã Khánh Phú	2025	230/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	953	667	667	0	667	
2	Bê tông hóa đường từ đất ông Cao Dũng đến đất ông Chúc - Nghĩa địa Nước nhĩ	UBND xã Khánh Phú	Xã Khánh Phú	2025	228/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	1.000	700	700	0	700	
3	Bê tông hóa đường ông Chính đi ông Sơn	UBND xã Khánh Phú	Xã Khánh Phú	2025	231/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	995	696	696	0	696	
5	Bê tông hóa đường từ đất ông Cao Duy Truyền đến đất ông Cao Nghiệp	UBND xã Khánh Phú	Xã Khánh Phú	2025	229/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	1.000	700	700	0	700	
VII	Huyện Khánh Sơn					17.500	17.500	17.500	0	17.500	
a	<i>Hỗ trợ xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới</i>					2.000	2.000	2.000	0	2.000	
(1)	Xã Sơn Trung					2.000	2.000	2.000	0	2.000	
1	Trường Tiểu học Sơn Trung	Phòng GDĐT huyện Khánh Sơn	Xã Sơn Trung	2024-2025	4873/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	2.000	2.000	2.000	0	2.000	
b	<i>Hỗ trợ nhằm không còn xã dưới 15 tiêu chí</i>					15.500	15.500	15.500	0	15.500	
(1)	Xã Thành Sơn					9.500	9.500	9.500	0	9.500	
1	Trường Tiểu học và THCS Thành Sơn	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	Xã Thành Sơn	2024-2025	4668/QĐ-UBND ngày 26/11/2024	9.500	9.500	9.500	0	9.500	
(2)	Xã Ba Cùm Nam					6.000	6.000	6.000	0	6.000	
1	Công trình trường Mầm non Hoa Phượng xã Ba Cùm Nam	Phòng GDĐT huyện Khánh Sơn	Xã Ba Cùm Nam	2025	4872/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	6.000	6.000	6.000	0	6.000	
B	CHƯA PHÂN BỐ									84.427	

PHỤ LỤC 3

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

S TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021-2025			Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2024			Kế hoạch vốn bố trí năm 2025			Ghi chú
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả nguồn vốn)	TMDT		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		
							NSTW	NS tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh (Nguồn XDCB tập trung)	
	TỔNG SỐ														93.411	78.366	15.045	
A	PHÂN BỐ DỰ 1								53.599	42.162	11.437	15.750	13.283	2.467	37.810	28.840	8.970	
A.1	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP								23.492	13.340	10.152	15.750	13.283	2.467	7.703	18	7.685	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, mức sinh hoạt								18.441	8.920	9.521	11.250	8.863	2.387	7.152	18	7.134	
a	Huyện Khánh Vĩnh								8.600	3.000	5.600	2.943	2.943	0	5.618	18	5.600	
1	Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Cầu Bà	P. Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Cầu Bà	2024-2025	941/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	11.000	3.000	5.600	8.600	3.000	5.600	2.943	2.943		5.618	18	5.600	
b	Thành phố Cam Ranh								9.841	5.920	3.921	8.307	5.920	2.387	1.534	0	1.534	
1	Nối mạng hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Suối Rua, xã Cam Thịnh Tây vào hệ thống cấp nước do Công ty CP Đô thị Cam Ranh quản lý; Bổ sung hạng mục "Lắp đặt tuyến ống rãnh vào nhà và đồng hồ nước cho hộ đồng bào DTTS"	P. Dân tộc Cam Ranh	Xã Cam Thịnh Tây	2024-2025	1862/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	4.985	2.920	1.448	4.453	2.920	1.533	3.955	2.920	1.035	498		498	
2	Nối mạng hệ thống cấp nước sinh hoạt cho đồng bào DTTS tại Xóm Mới, Xóm Suối Hai, Xóm Ba Hùng thuộc thôn Giải Phóng vào hệ thống cấp nước do Công ty CP Đô thị Cam Ranh quản lý; Bổ sung hạng mục "Lắp đặt tuyến ống rãnh vào nhà và đồng hồ nước cho hộ đồng bào DTTS"	P. Dân tộc Cam Ranh	Xã Cam Phước Đông	2024-2025	1869/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	4.930	3.000	1.400	5.388	3.000	2.388	4.352	3.000	1.352	1.036		1.036	
II	Dự án 4 - Tiểu dự án 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất đời sống								5.051	4.420	631	4.500	4.420	80	551	0	551	
a	Sở Y tế								3.774	3.283	491	3.283	3.283	0	491	0	491	
1	Xây mới Trạm y tế xã Khánh Hiệp	Sở Y tế	Xã Khánh Hiệp	2024-2025	553/QĐ-UBND ngày 01/3/2024	3.774	3.283	491	3.774	3.283	491	3.283	3.283		491		491	
b	Huyện Khánh Sơn								1.277	1.137	140	1.217	1.137	80	60	0	60	
1	Nối tiếp đường BTXM vào KSX TDP Hạp Cường	UBND TT. Tô Hạp	TT. Tô Hạp	2024-2025	2493/QĐ-UBND ngày 05/12/2022; 3652/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	1.499	1.137	140	1.277	1.137	140	1.217	1.137	80	60		60	
A.2	DỰ ÁN ĐẦU TƯ MỚI								30.107	28.822	1.285				30.107	28.822	1.285	
I	Dự án 4 - Tiểu dự án 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất đời sống								29.059	27.911	1.148				29.059	27.911	1.148	

S TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021-2025			Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2024			Kế hoạch vốn bố trí năm 2025			Ghi chú
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	NSTW		NS tỉnh	NSTW		Ngân sách tỉnh	NSTW		Ngân sách tỉnh		
																NSTW	
	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu tại địa bàn ĐBK																
<i>a</i>	<i>Huyện Khánh Sơn</i>																
1	Trường THCS Ba Cùm Bắc. Hạng mục: Nâng cấp sửa chữa khu phòng học và khu làm việc của nhà trường	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Khánh Sơn	Xã Ba Cùm Bắc	2025	3261/QĐ-UBND ngày 17/11/2023; 4738/QĐ-UBND ngày 03/12/2024	1.999	1.740	259	1.999	1.740	259				1.999	1.740	259
2	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM liên xã đến nhà ông Mậu Chuẩn (thôn Ma O) xã Sơn Trung	UBND Xã Sơn Trung	Xã Sơn Trung	2025	4721/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	1.000	491		491	491					491	491	
3	Xây dựng BTXM đường Dốc Chùa thôn Chi Chây	UBND Xã Sơn Trung	Xã Sơn Trung	2025	4715/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	1.000	436	564	1.000	436	564				1.000	436	564
4	Xây dựng nhà cộng đồng thôn Dốc Gạo, thị trấn Tô Hạp	UBND TT. Tô Hạp	TT. Tô Hạp	2025	2495/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	1.599	1.466		1.466	1.466					1.466	1.466	
5	Nhà Văn hóa xã Ba Cùm Nam	UBND Xã Ba Cùm Nam	Xã Ba Cùm Nam	2025	3574/QĐ-UBND ngày 20/11/2023; 4633/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	2.400	2.216		2.216	2.216					2.216	2.216	
6	Đường BTXM vào khu sản xuất Suối Đầu Bò GĐ1	UBND Xã Ba Cùm Nam	Xã Ba Cùm Nam	2025	4725/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	2.000	1.922		1.922	1.922					1.922	1.922	
7	Nâng cấp đường BTXM từ ngã 3 thôn Ko Rôa đi ra suối xã Sơn Lâm	UBND Xã Sơn Lâm	Xã Sơn Lâm	2025	4726/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	2.000	1.922		1.922	1.922					1.922	1.922	
8	Nâng cấp đường BTXM thôn Ha Nit, xã Sơn Lâm (đoạn từ rẫy ông Xá vào khu sản xuất)	UBND Xã Sơn Lâm	Xã Sơn Lâm	2025	4727/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	2.000	1.922		1.922	1.922					1.922	1.922	
9	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM xóm 8 thôn Ma O	UBND xã Sơn Trung	Xã Sơn Trung	2025	4728/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	1.000	943		943	943					943	943	
10	Nâng cấp và mở rộng Đường BTXM thôn Tà Giang 1	Phòng Dân tộc huyện Khánh Sơn	Xã Thành Sơn	2025	4696/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	1.070	1.070		1.070	1.070					1.070	1.070	
11	Nâng cấp và mở rộng Đường BTXM thôn Apa 2 đi cầu treo	UBND Xã Thành Sơn	Xã Thành Sơn	2025	4709/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	1.068	186		186	186					186	186	
12	Nâng cấp mở rộng đường nhà bà Phương đi khu sản xuất (đoạn từ rẫy ông Pháp đi khu sản xuất) thôn Ha Nit, xã Sơn Lâm.	Phòng Dân tộc huyện Khánh Sơn	Xã Sơn Lâm	2025	4699/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	964	964		964	964					964	964	
13	Kè chống sạt lở dọc suối Cờ ra nà đoạn từ đất ông Mậu Hông Xuyên đến đất bà Mậu Thị Bảy	UBND Xã Sơn Bình	Xã Sơn Bình	2025	4686/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	914	914		914	914					914	914	
14	Đường từ rẫy ông Mai thôn Xá Bói đi thôn Hòn Dung giai đoạn 2	Phòng Dân tộc huyện Khánh Sơn	Xã Sơn Hiệp	2025	4702/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	1.100	1.100		1.100	1.100					1.100	1.100	
15	Đường từ đất ông Huệt vào khu sản xuất thôn Hòn Dung	UBND Xã Sơn Hiệp	Xã Sơn Hiệp	2025	4714/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	875	875		875	875					875	875	
16	Đường BTXM vào khu sản xuất thôn Chi Chay (nhánh 2)	UBND Xã Sơn Trung	Xã Sơn Trung	2025	4716/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	1.680	1.680		1.680	1.680					1.680	1.680	

S TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021-2025			Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2024			Kế hoạch vốn bố trí năm 2025			Ghi chú
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMBT		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	NSTW		NS tỉnh	NSTW		Ngân sách tỉnh	NSTW		Ngân sách tỉnh		
17	Nối tiếp và nâng cấp đường từ Trường Tiểu học xã Ba Cùm Bắc đi vào khu sản xuất xóm 4, thôn Đốc Trầu, xã Ba Cùm Bắc	UBND xã Ba Cùm Bắc	Xã Ba Cùm Bắc	2025	471/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	1.786	1.786		1.786	1.786				1.786	1.786		
18	Đường vào khu sản xuất Xóm 8 Liên Bình	UBND xã Sơn Bình	Xã Sơn Bình	2025	4712/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	773	773		773	773				773	773		
19	Đường vào khu dân cư từ nhà Bo Bo Lang đến nhà ông Cao Văn Đường	Phòng Dân tộc huyện Khánh Sơn	Xã Sơn Bình	2025	4701/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	673	673		673	673				673	673		
20	Nâng cấp mở rộng đường BTMX từ nhà ông Bo Bo Tới đi vào khu sản xuất xóm 15, thôn A Thị, xã Ba Cùm Bắc	UBND xã Ba Cùm Bắc	Xã Ba Cùm Bắc	2025	4718/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	698	698		698	698				698	698		
21	Nâng cấp mở rộng nối tiếp đường BTXM từ nhà ông Đoàn Bá Lộc vào khu sản xuất thôn Du Oai, xã Sơn Lâm	Phòng Dân tộc huyện Khánh Sơn	Xã Sơn Lâm	2025	4700/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	793	793		793	793				793	793		
b	Huyện Cam Lâm								2.900	2.675	225			2.900	2.675	225	
1	Đầu tư đường vào khu sản xuất thôn Suối Lau 3 (đoạn từ Trường Mẫu giáo đến ruộng ông Cao Xẹm)	Ban QLDA huyện Cam Lâm	Thôn Suối Lau 3, xã Suối Cát	2025	1166/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	959	750		750	750				750	750		
2	Đường từ rẫy Tro Thị Hoa tới Cao Trị	Ban QLDA huyện Cam Lâm	Xã Sơn Tân	2025	1167/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	1.148	925		1.150	925	225			1.150	925	225	
3	Nâng cấp đường từ nhà máy nước đến khu sản xuất thôn Va Ly nổi dài	Ban QLDA huyện Cam Lâm	Xã Sơn Tân	2025	1165/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	1.000	1.000		1.000	1.000				1.000	1.000		
c	Huyện Diên Khánh								766	666	100			766	666	100	
1	Sửa chữa, nâng cấp kênh tưới vùng ruộng 3,4 ha của các hộ đồng bào dân tộc thôn Đá Mài, xã Diên Tân.	Phòng Kinh tế huyện Diên Khánh	Xã Diên Tân	2024-2025	265/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	808,9	666	100	766	666	100			766	666	100	
II	Dự án 5 - Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở vật chất cho các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh								1.048	911	137			1.048	911	137	
1	Trường phổ thông DTNT huyện Khánh Sơn - Hạng mục: Sửa chữa khu phòng ở nội trú học sinh và khu vệ sinh chung của học sinh	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Khánh Sơn	Trường DTNT Khánh Sơn	2025	3264/QĐ-UBND ngày 17/11/2023; 4635/QĐ-UBND ngày 22/11/2024	1.048	911	137	1.048	911	137			1.048	911	137	
B	CHƯA PHÂN BỐ													55.601	49.526	6.075	

PHỤ LỤC 4

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021-2025			Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2024			Kế hoạch vốn bố trí năm 2025			Ghi chú
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó			
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:		NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh (Nguồn XDCB tập trung)		
							NSTW										NS tỉnh	
	TỔNG SỐ												90.924	69.765	21.159			
A	Tiêu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo																	
I	Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo																	
I.1	Huyện Khánh Vĩnh																	
a	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản																	
1	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Cái (xã Cầu Bà - Liên Sang)	Phòng NN&PTNT huyện Khánh Vĩnh	Xã Cầu Bà, Liên Sang	2022-2025	670/QĐ-UBND 09/8/2022	80.000	80.000	63.768	63.768		60.000	60.000		3.768	3.768			
2	Hệ thống cấp nước sinh hoạt các xã cánh Bắc: Khánh Bình, Khánh Đông, Khánh Hiệp	Ban QLDA các CTXD Khánh Vĩnh	Xã Khánh Bình, Khánh Đông, Khánh Hiệp	2024-2025	1212/QĐ-UBND 18/10/2024	53.616	28.080	16.489	44.569	28.080	16.489	10.273	10.273		34.296	17.807	16.489	
b	Giao thông																	
1	Cầu Sông Trang	Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện Khánh Vĩnh	Xã Liên Sang	2022-2025	666/QĐ-UBND 09/8/2022	79.955	79.955	68.955	68.955		66.655	66.655		2.300	2.300			
I.2	Huyện Khánh Sơn																	
	Giao thông																	
1	Đường từ cầu trần Suối Lớn xã Ba Cùm Nam đến xã Ba Cùm Bắc (giai đoạn 2)	Phòng Kinh tế và Hạ tầng Khánh Sơn	Xã Ba Cùm Nam, Ba Cùm Bắc	2022-2025	2928/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	40.000	35.000		35.000	35.000		15.000	15.000		20.000	20.000		
2	Xây dựng tuyến đường từ thôn Đốc Gạo thị trấn Tô Hạp đi thôn Xóm Cỏ xã Sơn Bình	Phòng Kinh tế và Hạ tầng Khánh Sơn	Thị trấn Tô Hạp, xã Sơn Bình	2022-2025	2093/QĐ-UBND ngày 03/10/2022	39.989	35.000		39.670	35.000	4.670	35.000	35.000		4.670		4.670	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021-2025			Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2024			Kế hoạch vốn bố trí năm 2025			Ghi chú
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMBT		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	NSTW		NS tỉnh	NSTW		Ngân sách tỉnh	NSTW		Ngân sách tỉnh		
																Trong đó:	
II	Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển (Xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh)							12.940	12.940	0	12.477	12.477	0	463	463	0	
a	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản							5.000	5.000	0	4.974	4.974	0	26	26	0	
1	Xây dựng bờ kè đoạn từ cầu cảng đến nhà ông Tốt, thôn Điệp Sơn	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Điệp Sơn	2023-2024	159/QĐ-UBND 15/11/2023	2.000	2.000	2.000	2.000		1.990	1.990		10	10		
2	Xây dựng bờ kè đoạn từ nhà bà Trang đến nhà ông Toàn, thôn Điệp Sơn	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Điệp Sơn	2024-2025	160/QĐ-UBND 15/11/2023	2.000	2.000	2.000	2.000		1.987	1.987		13	13		
3	Xây dựng bờ kè Khải Lương, thôn Khải Lương	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Khải Lương	2022-2023	173/QĐ-UBND 08/8/2022	1.000	1.000	1.000	1.000		997	997		3	3		
b	Giao thông							2.580	2.580	0	2.348	2.348	0	232	232	0	
1	Xây dựng đường BTXM thôn Vĩnh Yên	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Vĩnh Yên	2022-2023	179/QĐ-UBND 08/8/2022	1.298	1.298	1.290	1.290		1.176	1.176		114	114		
2	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Bùi Văn Chính đến nhà ông Bùi Trọng Nhứt thôn Khải Lương	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Khải Lương	2022-2023	181/QĐ-UBND 08/8/2022	1.294	1.294	1.290	1.290		1.172	1.172		118	118		
c	Cấp nước							1.290	1.290	0	1.272	1.272	0	18	18	0	
1	Bổ sung giếng khoan thôn Ninh Tân	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Ninh Tân	2022-2023	174/QĐ-UBND 08/8/2022	1.299	1.299	1.290	1.290		1.272	1.272		18	18		
d	Công nghiệp (mạng lưới điện nông thôn, miền núi và hải đảo)							1.390	1.390	0	1.383	1.383	0	7	7	0	
1	Hệ thống điện chiếu sáng 03 thôn Ninh Tân, Ninh Đào, Điệp Sơn (giai đoạn 2)	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Ninh Tân, Ninh Đào, Điệp Sơn	2022-2023	176/QĐ-UBND 08/8/2022	1.399	1.399	1.390	1.390		1.383	1.383		7	7		
e	Văn hóa thông tin							2.680	2.680	0	2.500	2.500	0	180	180	0	
1	Xây dựng khu vui chơi, giải trí thể thao thôn Đầm Môn	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Đầm Môn	2022-2023	178/QĐ-UBND 08/8/2022	1.199	1.199	1.190	1.190		1.100	1.100		90	90		
2	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa thôn Ninh Tân	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Ninh Tân	2022-2023	172/QĐ-UBND 08/8/2022	1.499	1.499	1.490	1.490		1.400	1.400		90	90		

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021-2025			Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2024			Kế hoạch vốn bố trí năm 2025			Ghi chú		
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMBT		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó				
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:		NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó			
							NSTW									NS tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh
B	Tiểu dự án 2. Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt							79.000	79.000	0	55.083	55.083	0	23.917	23.917	0			
1	Đường liên xã Sơn Lâm đi xã Thành Sơn	Phòng Kinh tế và Hạ tầng Khánh Sơn	Xã Sơn Lâm, Thành Sơn	2023-2025	1044/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	79.000	79.000	79.000	79.000		55.083	55.083		23.917	23.917				
C	CHƯA PHÂN BỐ													1.510	1.510	0			

Số: /NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về cho ý kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (lần 1)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA VII - KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2024 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí sơ bộ về kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030 (lần 1) như sau:

1. Tổng số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030: 97.464,608 tỷ đồng theo Phụ lục 1 đính kèm.

Trong đó:

a) Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương là 57.168 tỷ đồng:

- Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung: 24.829 tỷ đồng.

- Nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 31.000 tỷ đồng.

- Nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: kế hoạch là 1.339 tỷ đồng.

b) Nguồn vốn theo cơ chế đặc thù tại Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội dự kiến là 3.340 tỷ đồng, trong đó:

- Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW) dự kiến là 200 tỷ đồng.

- Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT Vân Phong dự kiến là 140 tỷ đồng.

- Nguồn vốn từ nguồn bội chi ngân sách địa phương¹ dự kiến là 3.000 tỷ đồng.

c) Nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu (vốn trong nước) giai đoạn 2026-2030 dự kiến là 36.956,608 tỷ đồng.

2. Phân cấp quản lý vốn đầu tư

2.1. Nguồn vốn cấp tỉnh quản lý dự kiến là 91.214,508 tỷ đồng, bao gồm:

a) Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương dự kiến là 50.917,9 tỷ đồng, trong đó:

- Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung: 21.865 tỷ đồng.

- Nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 27.713,9 tỷ đồng.

- Nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết dự kiến là 1.339 tỷ đồng.

b) Nguồn vốn theo cơ chế đặc thù tại Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội dự kiến là 3.340 tỷ đồng, trong đó:

- Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW) dự kiến là 200 tỷ đồng.

- Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT Vân Phong dự kiến là 140 tỷ đồng.

- Nguồn vốn từ nguồn bội chi ngân sách địa phương dự kiến là 3.000 tỷ đồng.

c) Nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu (vốn trong nước) giai đoạn 2026-2030 dự kiến là 36.956,608 tỷ đồng.

2.2. Nguồn vốn phân cấp do cấp huyện quản lý dự kiến là 6.250,1 tỷ đồng, trong đó:

- Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung cấp huyện là 2.964 tỷ đồng.

- Nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất cấp huyện là 3.286,1 tỷ đồng.

3. Dự kiến danh mục chương trình, đề án, dự án thuộc nhiệm vụ chi đầu tư cấp tỉnh và vốn đầu tư phân cấp cho cấp huyện giai đoạn 2026-2030 theo Phụ lục 2 đính kèm.

Điều 2. Các giải pháp chủ yếu Ủy ban nhân dân tỉnh cần chỉ đạo tổ chức thực hiện

¹ Bao gồm nguồn phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ tổ chức tài chính trong nước, tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho Tỉnh vay lại theo Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội.

1. UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, địa phương thực hiện đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của các dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030 tại bảng kế hoạch này, làm rõ các lợi ích kinh tế và lợi ích xã hội của dự án thể hiện cụ thể bằng giá trị, thông số kinh tế - xã hội được cải thiện có liên quan; đánh giá một số chỉ tiêu phân tích hiệu quả kinh tế xã hội của dự án. Căn cứ quy định tại khoản 10 Điều 55 Luật Đầu tư công, sau khi có ý kiến thẩm định nguồn vốn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và ý kiến chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh hoàn thiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (lần 2) và báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 30/01/2025 theo quy định.

2. Chỉ đạo Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong khẩn trương triển khai thực hiện các nội dung liên quan để bổ sung nguồn vốn theo các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa theo Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội để bố trí cho các dự án đầu tư công trọng điểm của tỉnh, gồm có: (1) Nguồn vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh không quá 70% số tăng thu ngân sách trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh so với dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao; (2) Nguồn vốn từ nguồn ứng trước kinh phí cho Nhà nước để thực hiện dự án đầu tư công xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật thiết yếu trong Khu kinh tế Vân Phong; (3) Nguồn vốn từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (bao gồm nguồn phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ tổ chức tài chính trong nước, tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho Tỉnh vay lại theo Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội).

3. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan chủ động liên hệ làm việc với các Bộ ngành Trung ương, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương xem xét, hỗ trợ đầu tư các dự án trọng điểm của tỉnh từ nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2026-2030.

4. Chỉ đạo các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Dân tộc là các cơ quan thường trực các chương trình (Chương trình xây dựng nông thôn mới, Chương trình phát triển KTXH miền núi) chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ hướng dẫn xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 của Trung ương để triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư 5 năm 2026-2030, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Tỉnh ủy, làm cơ sở để cập nhật bổ sung kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030 cho các chương trình theo quy định.

5. Chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Tài nguyên Môi trường, Sở Xây dựng... quy hoạch bổ sung quỹ đất và xây dựng phương án thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2026-2030 nhằm bổ sung nguồn vốn đầu tư phát triển.

6. Chỉ đạo UBND cấp huyện (bao gồm cấp xã) thực hiện theo nguyên tắc, thứ tự ưu tiên đầu tư và dự kiến phân bổ nguồn vốn cho các ngành, lĩnh vực,

chương trình tương ứng với số vốn phân cấp được phân bổ và số vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ trong bản kế hoạch này.

7. Chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố đẩy nhanh việc thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án triển khai trên địa bàn mình quản lý, nhất là các dự án quan trọng quốc gia, dự án đường ven biển, dự án trọng điểm của tỉnh để tiến hành xây dựng công trình theo đúng tiến độ được duyệt.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật có liên quan.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày tháng năm 2024./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, CP;
- Bộ TC, Bộ KHĐT;
- Ban thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH; Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố;
- VP Tỉnh ủy, các ban đảng;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu VT, HDT, VN.

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC 1

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2026-2030

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị tính: triệu đồng.

Số TT	Nguồn vốn đầu tư công	Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
	TỔNG SỐ	97.464.608	
1	Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương	57.168.000	
1.1	Nguồn XDCB tập trung	24.829.000	
-	Cấp tỉnh quản lý	21.865.000	
-	Cấp huyện quản lý	2.964.000	
1.2	Nguồn cấp quyền sử dụng đất	31.000.000	
-	Cấp tỉnh quản lý	27.713.900	
-	Cấp huyện quản lý	3.286.100	
1.3	Nguồn vốn XSKT	1.339.000	
2	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội	3.340.000	
-	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)	200.000	
-	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT Vân Phong	140.000	
-	Nguồn vốn từ nguồn bội chi NSDP (bao gồm nguồn phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ tổ chức tài chính trong nước, tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho Tỉnh vay lại theo Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội)	3.000.000	

Số TT	Nguồn vốn đầu tư công	Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
3	Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ	36.956.608	
	<i>Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu (vốn trong nước)</i>		
	Trong đó:		
-	Vốn Trung ương hỗ trợ theo ngành, lĩnh vực	36.956.608	

PHỤ LỤC 2

DỰ KIẾN DANH MỤC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Cơ quan lập BCĐXCT	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Dự kiến lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2025	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030					Ghi chú	
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CDNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	Trong đó:			
								Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA					Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội			
														Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)		Nguồn bội chi NSDP (*)
TỔNG SỐ										97.464.608	57.168.000	36.956.608	140.000	200.000	3.000.000		
A	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH QUẢN LÝ									91.214.508	50.917.900	36.956.608	140.000	200.000	3.000.000		
A.1	CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2026-2030									53.368.108	16.411.500	36.616.608	140.000	200.000	0		
I	Thực hiện nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch									100.000	100.000						
II	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư									2.802.000	2.662.000	0	140.000	0	0		
a	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030									1.252.000	1.252.000	0	0	0	0		
1	Cơ sở hạ tầng khu tái định cư Ngọc Hiệp		BQLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2016-2026	03/NQ-HĐND 31/3/2016	2273/QĐ-UBND 5/8/2016; 3467/QĐ-UBND 13/11/2018; 1480/QĐ-UBND ngày 24/6/2020; 4301/QĐ-UBND ngày 26/11/2021; 3439/QĐ-UBND ngày 14/12/2022; 1653/QĐ-UBND ngày 18/7/2023	161.748	161.748		129.166	32.000	32.000				

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Cơ quan lập BCDXCT	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Dự kiến lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2025	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030						Ghi chú
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CDNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	Trong đó:			
								Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)	Nguồn bội chi NSDP (*)	
								Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA								
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Vĩnh Trung - Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang	UBND TP Nha Trang	UBND TP Nha Trang	xã Vĩnh Trung, Vĩnh Thái, Nha Trang	2021-2025	94/NQ-HĐND ngày 08/12/2020; 88/NQ-HĐND ngày 28/7/2021	1868/QĐ-UBND ngày 08/8/2023; 2603/QĐ-UBND ngày 31/10/2023	197.565	197.565	100.000	85.000	85.000					
3	Di dời và tái định cư khu vực phía đông đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Vạn Giã	UBND huyện Vạn Ninh	UBND huyện Vạn Ninh	thị trấn Vạn Giã, xã Vạn Thắng, huyện Vạn Ninh	2023-2025	111/NQ-HĐND ngày 08/12/2023		261.007	261.007	200.000	55.000	55.000					
4	Khu tái định cư Vạn Thắng - Giai đoạn 1	UBND huyện Vạn Ninh	UBND huyện Vạn Ninh	xã Vạn Thắng, xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh	2024-2025	112/NQ-HĐND ngày 08/12/2023		1.408.000	1.408.000	587.700	800.000	800.000					
5	Mở rộng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Ninh Mã (giai đoạn 2)	UBND huyện Vạn Ninh	UBND huyện Vạn Ninh	xã Vạn Thọ, huyện Vạn Ninh	2024-2025	133/NQ-HĐND ngày 14/12/2023		325.300	325.300	30.000	280.000	280.000					
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030										1.550.000	1.410.000	0	140.000	0	0	
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu Tái định cư Vĩnh Trung - Vĩnh Thái (giai đoạn 2)	UBND TP Nha Trang		Nha Trang		121/NQ-HĐND ngày 06/11/2024		303.996	303.996	10.000	280.000	280.000					
2	Nâng cấp cơ sở hạ tầng Khu tái định cư Vĩnh Yên (giai đoạn 1) và mở rộng đường giao thông kết nối Khu TĐC Vĩnh Yên với đường QL1 đi Đám Môn	BQL KKT Văn Phong	BQL KKT Văn Phong	Vạn Ninh				73.500	73.500	216	70.000	70.000					Dự án trong diêm

STT	Dan mục dự án, ngành, lĩnh vực	Cơ quan lập BCDXCT	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Dự kiến lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2025	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030						Ghi chú	
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CDNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội			
								Trong đó:							Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)		Nguồn bội chi NSĐP (*)
								Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA									
3	Nâng cấp hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng (50,28ha) Khu tái định cư Xóm Quán	BQL KKT Văn Phong	UBND thị xã Ninh Hòa	xã Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa				217.000	217.000		100	200.000	60.000		140.000			Dự án trọng điểm
4	Các dự án hạ tầng khu tái định cư khác nhằm tạo quỹ đất sạch cho các dự án KCN, CNN, dự án đô thị, du lịch trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố có liên quan											1.000.000	1.000.000					
III	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp											1.000.000	1.000.000					
IV	Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chuyển đổi số											1.454.500	1.454.500	0	0	0	0	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030</i>											1.454.500	1.454.500	0	0	0	0	
1	Đầu tư xây dựng nền tảng hạ tầng công nghệ thông tin và hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa	Sở TTTT	Sở TTTT					450.000	450.000		1.000	430.000	430.000					Dự án trọng điểm
2	Xây dựng Hệ thống thông tin lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy	Văn phòng Tỉnh ủy						24.520	24.520			24.500	24.500					công văn số 6767-CV/VPTU ngày 11/11/2024 của Văn phòng Tỉnh ủy
3	Các dự án phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khác											1.000.000	1.000.000					
V	Y tế, dân số và gia đình											4.770.000	2.370.000	2.200.000	0	200.000	0	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030</i>											4.770.000	2.370.000	2.200.000	0	200.000	0	

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Cơ quan lập BCĐXCT	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Dự kiến lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2025	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030						Ghi chú	
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CDNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	Trong đó:				
								Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội		
								Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA									Nguồn vốn chi NSDP (*)
1	Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	Sở Y tế	Sở Y tế	Nha Trang		27/NQ-HĐND ngày 11/6/2024		400.000	400.000		2.400	370.000	370.000	0				Dự án trọng điểm
2	Đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa trở thành Bệnh viện tuyến cuối của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ	Sở Y tế	BQLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang				4.450.000			50.000	4.400.000	2.000.000	2.200.000		200.000		Dự án trọng điểm
VI	Giao thông											38.493.608	5.165.000	33.328.608	0	0	0	
a	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030											5.330.608	3.152.000	2.178.608	0	0	0	
1	Dự án thành phần 1: Dự án xây dựng Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh thuộc Dự án Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh		BQL DADT XD các CT GT	Diên Khánh, Nha Trang	2023-2027	06/NQ-HĐND ngày 30/3/2023	1984/QĐ-UBND ngày 30/7/2024	1.316.374	916.374	400.000	712.500	576.000	226.000	350.000				Dự án trọng điểm
2	Dự án thành phần xây lắp thuộc Dự án đường giao thông từ QL 27C đến đường tỉnh ĐT.656 tỉnh Khánh Hoà - kết nối với tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Ninh Thuận		BQL DADT XD các CT GT	huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh	2023-2027	92/2023/QH15 ngày 20/6/2023	446/QĐ-UBND ngày 15/02/2024	1.809.107	809.107	1.000.000	1.001.994	794.000	794.000					Dự án trọng điểm
3	Dự án thành phần 1: Dự án xây dựng Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2)		BQL DADT XD các CT GT	Vạn Ninh và Ninh Hòa	2023-2027	29/NQ-HĐND ngày 21/7/2023		605.800	605.800		250.958	340.000	340.000					Dự án trọng điểm

STT	Dan h mục dự án, ngành, lĩnh vực	Cơ quan lập BCĐXCT	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Dự kiến lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2025	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030					Ghi chú		
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CDNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội			
								Trong đó:							Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT		Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)	Nguồn bội chi NSDP (*)
								Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA									
4	Dự án thành phần 2: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua huyện Vạn Ninh phục vụ Dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2)		UBND huyện Vạn Ninh	Vạn Ninh	2023-2027	29/NQ-HĐND ngày 21/7/2023		85.402	85.402		50.318	30.000	30.000					Dự án trọng điểm
5	Dự án thành phần 3: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua thị xã Ninh Hòa phục vụ Dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2)		UBND thị xã Ninh Hòa	Ninh Hòa	2023-2027	29/NQ-HĐND ngày 21/7/2023		184.547	184.547		100.000	80.000	80.000					Dự án trọng điểm
6	Dự án thành phần 1: Dự án xây dựng Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa		BQL KKT Văn phòng	Vạn Ninh và Ninh Hòa	2024-2027	94/NQ-HĐND ngày 07/12/2023; 628/HĐND-VP ngày 08/11/2024	1790/QĐ-UBND ngày 08/7/2024	1.705.030	1.105.030	600.000	745.000	755.000	755.000					Dự án trọng điểm
7	Dự án thành phần 3: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua địa bàn thị xã Ninh Hòa phục vụ dự án Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa		UBND thị xã Ninh Hòa	Ninh Hòa		94/NQ-HĐND ngày 07/12/2023; 628/HĐND-VP ngày 08/11/2024		95.618	95.618		80.000	10.000	10.000					Dự án trọng điểm
8	Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ sân bay Cam Ranh đến cầu Long Hồ	Sở GTVT	BQL DABT XD các CT GT	Cam Ranh	2021-2024	55/NQ-HĐND ngày 29/9/2020	426/QĐ-UBND ngày 07/02/2024	99.943	99.943		65.642	20.000	20.000					
9	Xây dựng mới thay thế 03 cầu: Thác Ngựa, Sông Giang, Sông Chò trên tuyến Tỉnh lộ 8B, huyện Khánh Vĩnh		BQL DABT XD các CT GT	Khánh Vĩnh	2023-2025	28/NQ-HĐND ngày 21/7/2023	1767/QĐ-UBND ngày 04/7/2024	292.941	292.941		173.500	100.000	100.000					

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Cơ quan lập BCDXCT	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Dự kiến lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2025	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030						Ghi chú	
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CDNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	Trong đó:				
								Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)	Nguồn bội chi NSDP (*)		
								Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA									
10	Cầu qua sông Kim Bông	BQLDA Phát triển tỉnh	BQLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2021-2025	13/NQ-HĐND ngày 09/7/2019	2955/QĐ-UBND ngày 30/10/2020; 3414/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	131.731	131.731		69.917	57.000	57.000					
11	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Xiển		BQL ĐAĐT XD các CT GT	Nha Trang	2024-2027	98/NQ-HĐND ngày 08/12/2023		586.474	586.474		32.000	500.000	500.000	0				
12	Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuật giai đoạn 1		BQL ĐAĐT XD các CT GT	Ninh Hòa	2022-2026	58/2022/QH15 ngày 16/6/2022	611/QĐ-UBND ngày 17/3/2023; 756/QĐ-UBND ngày 03/4/2023	5.333.307	303.350	5.029.957	3.874.350	1.458.957		1.458.957				
13	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.652B và ĐT.652D (đoạn từ đường ĐT.652 đến Quốc lộ 26B)	BQL KKT Văn phòng	BQL KKT Văn phòng	Ninh Hòa	2023-2026	80/NQ-HĐND ngày 28/7/2021	182/QĐ-KKT ngày 31/10/2022	816.173	416.173	400.000	202.105	609.651	240.000	369.651				
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030											33.163.000	2.013.000	31.150.000	0	0	0	
1	Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Nha Trang - Đà Lạt theo phương thức đối tác công tư (PPP), hợp đồng BOT			Khánh Hòa, Lâm Đồng				25.058.000	403.000	16.360.000		16.763.000	403.000	16.360.000				Dự án PPP
2	Dự án đầu tư tuyến đường ven biển đoạn từ xã Vạn Thọ đến xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh	Sở GTVT		Vạn Ninh				5.400.000			20.000	5.380.000		5.380.000				Dự án trọng điểm
3	Mở rộng đường Quốc lộ 27C từ nút giao đường Võ Nguyên Giáp đến nút giao liên thông đường bộ cao tốc Bắc Nam	Sở GTVT	BQL ĐAĐT XD các CT GT	Diên Khánh				1.200.000				1.200.000		1.200.000				Dự án trọng điểm

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Cơ quan lập BCDXCT	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Dự kiến lũy kế vốn đã bỏ tri từ khởi công đến hết năm 2025	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030						Ghi chú	
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội			
								Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn CBNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)		Nguồn bội chi NSDP (*)
4	Nâng cấp và làm mới đường ĐT.651D (đoạn từ nút giao QL.1, thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh đến nút giao QL.1, xã Ninh An, thị xã Ninh Hòa)	Sở GTVT	BQL DABT XD các CT GT	Huyện Vạn Ninh, thị xã Ninh Hòa				1.000.000			1.000.000	1.000.000					Dự án trọng điểm	
5	Xây dựng hầm qua núi Cù Hin kết nối từ Sông Lô, xã Phước Đồng - Nha Trang đến xã Cam Hải Đông - Cam Lâm	Sở GTVT	BQL DABT XD các CT GT	Thành phố Nha Trang và huyện Cam Lâm				4.000.000			4.000.000	4.000.000					Dự án trọng điểm	
6	Đường D25 và kênh thoát lũ Vĩnh Trung	Sở GTVT	BQL DABT XD các CT NN&PTNT	Diên Khánh, Nha Trang				1.491.000			1.490.000	90.000	1.400.000				Dự án trọng điểm	
7	Đường di sản kết nối Tháp bà Ponaga và Am Chúa, huyện Diên Khánh	Sở GTVT	BQL DABT XD các CT GT	Nha Trang; Diên Khánh				2.000.000			2.000.000	190.000	1.810.000				Dự án trọng điểm	
8	Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 1A - ĐT652B (Quốc lộ 1 đến vòng xoay Ninh Diêm)	BQL KKT Văn phòng	BQL DABT XD các CT GT	Thị xã Ninh Hòa		46/NQ-HBND ngày 12/7/2024		559.408	559.408	841	530.000	530.000	0				Dự án trọng điểm	
9	Nâng cấp mở rộng đường giao thông từ Quốc lộ 1 đến cảng Hòn Khói (ĐT.651D và đoạn ĐT. 652B)	BQL KKT Văn phòng	BQL KKT Văn Phòng	Ninh Hòa		48/NQ-HBND ngày 12/7/2024		690.527	690.527	859	670.000	670.000					Dự án trọng điểm	
10	Đường giao thông ngoài Cảng trung chuyển Quốc tế Văn Phong (giai đoạn 2)	BQL KKT Văn phòng	BQL KKT Văn phòng	Xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh		108/NQ-HBND ngày 13/9/2024		147.370	147.370	91	130.000	130.000					Dự án trọng điểm	
VII	Thực hiện nhiệm vụ giảm nghèo bền vững										1.500.000	1.500.000						
VIII	Hạ tầng hồ chứa nước cung cấp nước sinh hoạt và nước phục vụ sản xuất, kinh doanh										3.248.000	2.160.000	1.088.000	0	0	0		

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Cơ quan lập BCĐXCT	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Dự kiến lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2025	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030						Ghi chú
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CDNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	Trong đó:			
								Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)	Nguồn bội chi NSDP (*)	
								Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA								
II	Bảo vệ môi trường (bao gồm khắc phục ô nhiễm môi trường, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững)									2.014.000	2.014.000	0	0	0	0		
a	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030									564.000	564.000	0	0	0	0		
1	Chính trị hạ lưu sông Tác (giai đoạn II)	Sở NN&PTNT	BQLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	xã Vĩnh Thái, xã Phước Đồng, Nha Trang	2024-2027	110/NQ-HBND ngày 08/12/2023		600.000	600.000		250.000	340.000	340.000	0			Dự án trọng điểm
2	Kè và đường dọc bờ nam sông Cái, đoạn qua xã Diên An, huyện Diên Khánh	UBND DK	UBND huyện Diên Khánh	Diên An	2022-2025	13/NQ-HBND ngày 15/5/2020; 16/NQ-HBND ngày 07/4/2022	2447/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	325.000	100.000	70.000	72.334	97.000	97.000	0			
3	Kè Sông Cái (đoạn còn lại qua các xã Vĩnh Trung, Vĩnh Ngọc, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Phương)		UBND TP Nha Trang	xã Vĩnh Trung, Vĩnh Ngọc, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Phương	2022-2025	87/NQ-HBND ngày 28/7/2021		300.000	137.000			127.000	127.000	0			
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030											1.450.000	1.450.000	0	0	0	0
1	Hỗ điều hòa khu vực phía Bắc thành phố Nha Trang		Ban QLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang		106/NQ-HBND ngày 19/10/2021		383.282	383.282		1.000	350.000	350.000	0			
2	Kè sông Cái Nha Trang (các đoạn còn lại)	UBND TP Nha Trang	BQL DABT XD các CT NN&PTNT	Nha Trang				500.000	300.000			300.000	300.000				Dự án trọng điểm
3	Nạo vét khơi thông các tuyến kênh mương, sông tại thành phố Nha Trang	UBND TP Nha Trang	UBND TP Nha Trang	Nha Trang				300.000	100.000			100.000	100.000				Dự án trọng điểm

STT	Dan h mục dự án, ngành, lĩnh vực	Cơ quan lập BCĐXCT	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Dự kiến lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2025	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030						Ghi chú		
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CDNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	Trong đó:					
								Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)	Nguồn bội chi NSDP (*)			
								Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA										
4	Kè và đường dọc sông Cái Nha Trang, đoạn qua thị trấn Diên Khánh và xã Diên Phú, huyện Diên Khánh	UBND huyện Diên Khánh	UBND huyện Diên Khánh	Thị trấn Diên Khánh, xã Diên Phú, huyện Diên Khánh				730.000			147	700.000	700.000						Dự án trọng điểm
III	Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội											1.572.300	1.572.300	0	0	0	0		
(1)	Công an tỉnh											398.000	398.000	0	0	0	0		
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030</i>											398.000	398.000	0	0	0	0		
1	Xây dựng Trụ sở Công an tỉnh	Công an tỉnh	Công an tỉnh	Nha Trang				900.000	400.000		2.000	398.000	398.000						Dự án trọng điểm
(2)	BCHQS tỉnh											1.033.000	1.033.000	0	0	0	0		
a	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030</i>											234.000	234.000	0	0	0	0		
1	Xây dựng nơi ăn, nghỉ, kho, bến, bãi, khu vực neo đậu tàu thuyền cho Hải đội dân quân thường trực tỉnh Khánh Hòa	BCHQS tỉnh	BCHQS tỉnh	xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh	2024-2027	67/NQ-HĐND ngày 12/7/2024		220.505	220.505		10.000	200.000	200.000						
2	Công trình SH4-KH2022	BCHQS tỉnh			2024-2027	53/NQ-HĐND ngày 31/10/2024		44.000	44.000		10.000	34.000	34.000						
b	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030</i>											799.000	799.000	0	0	0	0		
1	Xây dựng Sở chỉ huy thường xuyên Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Nha Trang				350.000	350.000			330.000	330.000						Dự án trọng điểm
2	Kho chứa đạn dược và vật liệu nổ Bộ CHQS tỉnh (giai đoạn 2)	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		xã Diên Xuân, huyện Diên Khánh				80.000	80.000			80.000	80.000						

STT	Dan h mục dự án, ngành, lĩnh vực	Cơ quan lập BCĐXCT	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Dự kiến lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2025	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030						Ghi chú	
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CDNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	Trong đó:			
								Trong đó:							Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)		Nguồn bội chi NSĐP (*)
								Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA									
3	Trường bản, thao trường huấn luyện, căn cứ chiến đấu Bộ CHQS tỉnh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		xã Khánh Hiệp, huyện Khánh Vĩnh				300.000	300.000		300.000	300.000						
4	Công trình phòng thủ										89.000	89.000						
(3)	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh										141.300	141.300						
IV	Quản lý nhà nước										1.800.000	1.800.000	0	0	0	0		
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030</i>										1.800.000	1.800.000	0	0	0			
I	Trụ sở chung cho các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Trụ sở chung cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và Hội quần chúng cấp tỉnh do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ của tỉnh Khánh Hòa	Sở Xây dựng	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang		78/NQ-HĐND ngày 13/9/2024		1.867.000	1.867.000		9.000	1.800.000	1.800.000					Dự án trọng điểm
V	Chỉnh trang đô thị										900.000	900.000	0	0	0	0		
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030</i>										900.000	900.000	0	0	0			
I	Chỉnh trang hạ tầng đô thị khu vực phía Đông đường Trần Phú - Phạm Văn Đồng	UBND TP Nha Trang	UBND TP Nha Trang	Nha Trang				1.000.000	1.000.000		900.000	900.000						Dự án trọng điểm
VI	Văn hóa, thể thao										300.000	300.000						
VII	Vốn chuẩn bị đầu tư và các nhiệm vụ chi khác của cấp tỉnh										5.922.307	5.922.307	0	0	0	0		

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Cơ quan lập BCDXCT	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Dự kiến lũy kế vốn đã bỏ trí từ khởi công đến hết năm 2025	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030					Ghi chú	
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CDNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	Trong đó:			
								Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)		Nguồn bội chi NSDP (*)
1	Vốn chuẩn bị đầu tư									100.000	100.000						
2	Trả nợ vốn vay									330.547	330.547						
3	Trả nợ quyết toán									61.000	61.000	0					
4	Hỗ trợ cấp bù lãi suất đối với các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng									45.000	45.000						
5	Vốn ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh									427.870	427.870						
6	Bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất của tỉnh Khánh Hòa									4.957.890	4.957.890						
A.3	HỖ TRỢ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC CẤP THIẾT KHÁC									20.555.000	20.555.000	0	0	0			
I	Thị xã Ninh Hòa									4.422.675	4.422.675					Nâng cấp lên Quận	
II	Thành phố Nha Trang									1.364.358	1.364.358	0	0	0			
a	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030</i>									783.000	783.000	0	0	0	0		
1	Cầu Phú Kiếng			xã Vĩnh Ngọc, Nha Trang				599.837	tối đa không quá 70% sơ bộ TMDT ban đầu theo báo cáo số 3316/SKHĐT TH ngày 06/8/2024 của Sở KHĐT	419.000	419.000					văn bản số 9353/UBND-XDND ngày 21/8/2024 của UBND tỉnh	

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Cơ quan lập BCĐXCT	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Dự kiến lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2025	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030					Ghi chú		
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CDNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội			
								Trong đó:							Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT		Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)	Nguồn bội chi NSĐP (*)
								Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA									
2	Nâng cấp, mở rộng đường Phong Châu (đoạn từ khu đô thị ven sông Tác đến khu tái định cư Đất Lành)			Nha Trang				78.000	tối đa không quá dự kiến sơ bộ TMDT ban đầu theo báo cáo số 3315/SKHĐT TH ngày 06/8/2024 của Sở KHĐT		78.000						văn bản số 9354/UBND-XDND ngày 21/8/2024 của UBND tỉnh	
3	Trường Tiểu học Vĩnh Ngọc 2, xã Vĩnh Ngọc, thành phố Nha Trang			xã Vĩnh Ngọc, Nha Trang				95.276	tối đa không quá 70% sơ bộ TMDT ban đầu theo báo cáo số 3375/SKHĐT TH ngày 08/8/2024 của Sở KHĐT		66.000	66.000					Thông báo số 397/TB-UBND ngày 29/8/2024 của UBND tỉnh	
4	Tuyến đường bờ kè và đoạn từ Bến cá dân sinh Vĩnh Trường đến đường Phước Long			Nha Trang				315.000			220.000	220.000					2194/UBND-XDND ngày 04/3/2024	
b	Các dự án khác										581.358	581.358						
III	Thành phố Cam Ranh										4.166.857	4.166.857	0	0	0		Nâng cấp lên Quận	
a	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030										530.000	530.000	0	0	0			
1	Đường Lê Duẩn - đoạn 4 (từ đường Lê Lợi đến đường Nguyễn Công Trứ) và các phân đoạn kết nối: Đường Trần Nguyên hãn, đường Hoàng Văn Thu, đường quy hoạch số 35, phường Cam Phúc Bắc, Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh			Cam Ranh		104/NQ-HĐND ngày 28/8/2024		541.322			541.322		2.000	530.000	530.000			văn bản số 4694/UBND-KT ngày 07/5/2024 của UBND tỉnh

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Cơ quan lập BCDXCT	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Dự kiến lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2025	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030					Ghi chú	
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CDNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	Trong đó:			
								Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)		Nguồn bồi chi NSDP (*)
								Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA								
b	Các dự án khác									3.636.857	3.636.857						
IV	Huyện Diên Khánh									3.304.283	3.304.283	0	0	0		Nâng cấp lên Thị xã	
a	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030									135.000	135.000	0	0	0			
1	Đường Huỳnh Thúc Kháng (từ Quốc lộ 1A qua tuyến Tránh đến đường Võ Nguyên Giáp)			TT Diên Khánh		24/NQ-HĐND ngày 20/7/2020		120.000	84.000		84.000	84.000					Dự án thuộc KH ĐTC giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thống nhất giảm tiến độ bố trí vốn từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030
2	Đường nối Diên Bình-Diên Lộc			xã Bình Lộc		30/NQ-HĐND ngày 20/7/2020		74.000	51.000		51.000	51.000					Dự án thuộc KH ĐTC giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thống nhất giảm tiến độ bố trí vốn từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030
b	Các dự án khác									3.169.283	3.169.283						
V	Huyện Cam Lâm									2.965.942	2.965.942					Nâng cấp lên Thành phố	
VI	Huyện Khánh Sơn									545.017	545.017						
a	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030									229.000	229.000						
1	Xây dựng Cầu Lò Gạch			Khánh Sơn				79.000	79.000		79.000	79.000					Thông báo số 972-TB/TU ngày 21/8/2024 của Tỉnh ủy

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Cơ quan lập BCDXCT	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Dự kiến lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2025	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030					Ghi chú		
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Trong đó:			
								Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn CDNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội			
															Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT		Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)	Nguồn bội chi NSDP (*)
2	Tuyến đường Đinh Tiên Hoàng và đường N3, huyện Khánh Sơn			Khánh Sơn				150.000	150.000		150.000	150.000				Văn bản số 1744/UBND-XDND ngày 20/02/2024 của UBND tỉnh		
<i>b</i>	<i>Các dự án khác</i>										316.017	316.017						
VII	Huyện Khánh Vĩnh										741.214	741.214						
VIII	Huyện Vạn Ninh										3.044.654	3.044.654				Nâng cấp lên Thị xã		
A.4	DỰ PHÒNG ĐỀ XỬ LÝ CÁC VẤN ĐỀ PHÁT SINH TRONG KẾ HOẠCH TRUNG HẠN										4.342.793	1.342.793			3.000.000			
B	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN QUẢN LÝ (đầu tư theo các ngành, lĩnh vực, chương trình)										6.250.100	6.250.100						
I	Nguồn XDCB tập trung										2.964.000	2.964.000						
1	Thành phố Nha Trang										616.512	616.512						
2	Thành phố Cam Ranh										317.148	317.148						
3	Huyện Cam Lâm										296.400	296.400						
4	Huyện Diên Khánh										388.284	388.284						
5	Thị xã Ninh Hòa										432.744	432.744						
6	Huyện Vạn Ninh										331.968	331.968				Cấp huyện thực hiện trích 10% nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung giai đoạn 2026-2030 để bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất của tỉnh Khánh Hòa		

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Cơ quan lập BCĐXCT	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Dự kiến lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2025	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030					Ghi chú			
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CDNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	Trong đó:				
								Trong đó:							Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội		Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)	Nguồn bội chi NSDP (*)
								Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA										
7	Huyện Khánh Vĩnh									334.932	334.932								
8	Huyện Khánh Sơn									246.012	246.012								
II	Nguồn CQSD Đất									3.286.100	3.286.100					Cấp huyện thực hiện trích 10% nguồn thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2026-2030 để bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất của tỉnh Khánh Hòa			

Ghi chú: (*) Nguồn bội chi ngân sách địa phương bao gồm nguồn phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ tổ chức tài chính trong nước, tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho Tỉnh vay lại theo Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội.